TRƯỜNG ĐẠI HỌC LÂM NGHIỆP
KHOA QUẢN TRỊ KINH DOANH

KHOÁ LUẬN
TỐT NGHIỆP

THƯ VIỆN
TRƯỜNG ĐẠI HỌC LÂM NGHIỆP

Giáo viên hướng dẫn : PHẠM XUÂN PHƯƠNG

Sinh viên thực hiện : ĐỖ SỸ HIẾN

KHOÁ HỌC : 1993 - 1998

TÊN KHOÁ LUẬN

TÌM HIỂU KINH NGHIỆM SẢN XUẤT CỦA HỘ NÔNG DÂN Ở THÔN TRUNG SƠN XÃ BA TRẠI HUYỆN BA VÌ TỈNH HÀ TÂY

THƯ VIỆN TRƯỜNG ĐẠI HỌC LÂM NGHIỆP

LỜI NÓI ĐẦU

Thực tế xã hội nông thôn Việt Nam, ta thấy gia đình tồn tại từ lâu đời nó như một đơn vị kinh tế cơ sở của nền tiểu nông tư sản, tư liệu.

Những vấn đề tổ chức các hộ gia đình đó trở thành một đơn vị kinh tế tự chủ sản xuất đang trở thành vấn đế mới mẻ được Đảng và Nhà nước quan tâm.

Để hiểu rõ vai trò kinh tế hộ gia đình trong giai đoạn hiện nay củaViệt Nam, chúng ta phải nhìn ra thực tế các nước trong những năm gần đây trong các cuộc cải cách kinh tế. Chính phủ của nhiều nước đã chú ý đến hộ gia đình trong nền kinh tế quốc dân ở các nước Thái Lan; In-đô-nê-xi-a ... Trong quá trình vạch kế hoạch phát triển nông thôn đã lưu ý "tính thích ứng của hộ trước những biến động đầy trắc ẩn của nền kinh tế đang phát triển".

Khi nền kinh tế của xã hội gặp khó khăn trong quá trình tái sản xuất thì hộ gia đình là cơ sở dễ dàng (xoay sở), để tìm kiếm phương thức khai thác các nguồn vốn lao động của mình để tái sản xuất nông nghiệp.

Ở Việt nam trong thời kỳ hợp tác hóa nông nghiệp kinh tế hộ gia đình chỉ được coi là kinh tế phụ gia đình bổ xung cho kinh tế tập thể, điều đó đã làm hạn chế sức mạnh của hộ gia đình trong sự nghiệp phát triển của đất nước.

Trong công cuộc đổi mới cơ chế quản lý kinh tế, nhất là sau Nghị quyết Đại hội Đảng lần thứ VI - là bước ngoặt trong đường lối kinh tế Việt nam, kinh tế hộ gia đình đã được giải phóng ra khỏi sự ràng buộc kinh tế, được tự do kinh doanh trong phạm vi Pháp luật. Nó đã được thể hiện bằng việc trả lại cho nông dân địa vị chủ thể kinh tế tạo điều kiện cho họ gắn liền cuộc sống của mình với ruộng đất, với rừng tức là trả lại nghề nông, nghề lâm cho người nông dân. Các địa phương miền núi kinh tế hộ cũng đang được quan tâm khuyến khích phát triển. Vì vậy việc nghiên cứu tổng kết kinh nghiệm phát triển kinh tế hộ và quá trình ra quyết định sản xuất của hộ nông dân là vấn đề cần thiết. Xuất phát từ cách đặt vấn đề trên trong thời gian qua dưới sự hướng dẫn, giúp đỡ của thầy giáo Phạm Xuân Phương, Uỷ ban nhân dân xã Ba Trại, Huyện Ba Vì, Tỉnh Hà tây tôi đã hoàn thành khoá

luận : "Tìm hiểu kinh nghiệm sản xuất của hộ nông dân ở thôn Trung sơn xã Ba Trại, Huyện Ba Vì, Tỉnh Hà Tây".

Khoá luận này góp phần đánh giá thực trạng phát triển kinh tế hộ tại thôn Trung Sơn, xã Ba Trại, rút ra những bài học kinh nghiệm sử dụng có hiệu quả các tiềm năng chưa được khai thác. Trên cơ sở đó hướng dẫn đề xuất một số biện pháp nhằm phát triển kinh tế hộ góp phần nâng cao đời sống của nhân dân địa phương.

THƯ VIỆN
TRƯỜNG ĐẠI HỌC LÂM NGHIỆP

NỘI DUNG

I./ CƠ SỞ LÝ LUẬN KINH TẾ HỘ GIA ĐÌNH

1) Khái niệm và vai trò kinh tế hộ trong quá trình phát triển xã hội :

1.1- Khái niệm :

Hiện nay ở nước ta đặc biệt là nông thôn đang diễn ra một sự chuyển biến sâu sắc. Kinh tế hộ gia đình từ chỗ chỉ được coi là phần hỗ trợ cho kinh tế tập thể, nay trở thành một đơn vị kinh tế cơ sở của sản xuất nông nghiệp, sẽ trở thành một bộ phận quan trọng trong nền kinh tế Quốc dân. Kinh tế hộ gia đình là một tổng thể các hoạt động nhằm đem lại thu nhập trong các hộ nó là một dạng kinh doanh tổng hợp cả công nông lâm và ngành nghề cả sản xuất và dịch vụ bao gồm cả phần nhận khoán gia công cho kinh tế quốc doanh, cho hợp tác xã. Trong tương lai kinh tế hộ gia đình ngày càng trở thành quan trọng hơn và sẽ là thành phần không thể thiếu được trong nền kinh tế quốc dân.

Qua đó ta có thể thấy kinh tế hộ gia đình là mô hình kinh tế lấy gia đình làm đơn vị tổ chức sản xuất kinh doanh trên quy mô gia đình trong từng giai đoạn khác nhau mà kinh tế hộ gia đình được hình thành dưới nhiều hình thức khác nhau.

-Hiện nay kinh tế hộ gia đình gồm:

+ Kinh tế hộ gia đình xã viên hợp tác xã

+ Kinh tế hộ gia đình cá thể

+ Kinh tế hộ gia đình công nhân viên chức

1.2- Vai trò kinh tế hộ gia đình trong quá trình phát triển xã hội

Kinh tế hộ gia đình là hình thức tổ chức có vai trò quan trọng trong quá trình chuyển từ nền sản xuất theo kế hoạch sang nền sản xuất theo cơ chế thị trường, vai trò của nó thể hiện trong các mặt sau.

a) Đối với phân công lao động xã hội.

Hiện nay các hộ gia đình không phải chỉ sản xuất độc canh cây lúa, cây rừng mà là kinh doanh tổng hợp nông lâm ngư nghiệp và các ngành nghề khác. Do đó đã góp phần giải quyết nhanh vấn đề lương thực, thực phẩm cho gia đình, cho xã hội, tăng nhanh nguồn nguyên liệu cho cây công nghiệp và xuất khẩu. Các gia đình sử dụng nguồn lao động một cách hợp lý và có hiệu quả cao. Hay nói cách khác, từ sự phát triển kinh tế hộ gia đình mà xuất hiện sự phân công chuyên môn hoá sản xuất phù hợp với điều kiện từng vùng, từng khu vực đảm bảo hợp lý có hiệu quả cao.

b) Đối với việc đổi mới cách làm ăn của người dân.

Kinh tế hộ gia đình còn có ý nghĩa đặc biệt quan trọng, là đổi mới cách làm ăn các hộ để phù hợp với kinh tế thị trường. Kinh tế hộ gia đình với tư cách là đơn vị sản xuất đòi hỏi sự tổ chức và quản lý kinh tế hộ như một doanh nghiệp quy mô nhỏ. Với tư cách đó mỗi hộ gia đình vừa là đơn vị sản xuất vừa là chủ thể sản xuất một cách linh hoạt nhất, đặc biệt là chế độ điều hành không có chi phí quản lý, trong quá trình sản xuất các chủ hộ chủ động tìm kiếm thị trường tiêu thụ sản phẩm. Bên cạnh đó các hộ chủ động bố trí cây trồng, vật nuôi hợp lý đáp ứng được nhu cầu của thị trường.

c) Kinh tế hộ gia đình góp phần vào đổi mới kỹ thuật sản xuất :

Kinh tế hộ gia đình là nơi tích tụ những kinh nghiệm sản xuất in đậm dấu vết kỹ thuật truyền thống của dân tộc. Khi chuyển sang sản xuất hàng hoá hộ gia đình dần dần đổi mới kỹ thuật nhằm làm ra nhiều sản phẩm có chất lượng tốt với giá rẻ, để thu được nhiều lợi nhuận. Việc đổi mới kỹ thuật trước hết là phải khai thác hết kinh nghiệm sản xuất truyền thống của dân tộc. Chỉ có kinh tế hộ mới tiếp thu sàng lọc và cải tiến các kỹ thuật truyền thống áp dụng vào sản xuất cho thích hợp. Việc đưa kỹ thuật mới vào sản xuất kinh doanh chỉ thực hiện được nhanh chóng và có hiệu quả khi chuyển giao kỹ thuật công nghệ đến từng hộ gia đình. Đây là sự kết hợp hài hoà giữa kỹ thuật sản xuất hiện đại và sản xuất thủ công.

d) Đối với tích tụ vốn.

Hộ gia đình là đơn vị tích tụ vốn của xã hội trên quy mô hộ gia đình, để tạo cơ sở cho việc chuyển biến từ kinh tế tự nhiên sang kinh tế hàng hoá. Trên cơ sở đó thì các hộ mới chuyển hướng sản xuất cho mình sang sản

xuất cho người khác. Nếu không thực hiện được tích tụ vốn từ gia đình thì nguồn vốn nhàn rỗi không được sử dụng vào mục đích sinh lợi.

Tích tụ vốn nó đảm bảo cho nguồn vốn không bị lãng phí và tăng thêm sản phẩm cho xã hội. Trong đó với cơ chế khoán hộ nguồn vốn được sử dụng để đầu tư cho sản xuất kinh doanh. Mở rộng qui mô tích tụ vốn mới có khả năng phát triển kinh tế mạnh mẽ tức là lúc đó có sự hợp tác liên doanh, liên kết giữa các hộ gia đình với nhau. Đặc biệt với nông thôn miền núi, do vốn tích tụ hàng năm ít, bên cạnh đó cơ sở hạ tầng còn thấp kém đầu tư vốn từ bên ngoài rất hạn chế, do đó để kinh tế hộ gia đình phát triển thì việc tích tụ vốn giữa các hộ gia đình là vấn đề hết sức quan trọng và cần thiết.

2-/ Tính tất yếu phát triển kinh tế hộ gia đình ở Việt nam.

Trong chủ nghĩa duy vật lịch sử Mark cho rằng "trong nền sản xuất xã hội của mình loài người chấp nhận những mối quan hệ nhất định cần thiết và độc lập với ý chí của họ, những quan hệ sản xuất tương ứng với một trình độ phát triển nhất định của sức sản xuất vật chất".

Phân tích tình hình kinh tế xã hội Việt nam theo quan điểm của chủ nghĩa duy vật lịch sử thì việc phát triển kinh tế hộ gia đình nói chung, đặc biệt kinh tế hộ gia đình nông lâm là điều tất yếu. Bởi vì ở nước ta hiện nay, trình độ lực lượng sản xuất còn thấp kém nhất là ở các vùng cao vùng xa điều đó thể hiện ở chỗ : sản xuất theo kiểu tiểu thủ công công cụ thô sơ, lao động có kỹ thuật ít, sản xuất nhỏ phân tán phụ thuộc vào yếu tố tự nhiên trình độ tổ chức còn non yếu. Sức sản xuất này chỉ phù hợp với quan hệ sản xuất có trình độ xã hội thấp. Thực tế cho thấy sự xã hội hoá nền sản xuất nước ta thông qua việc thành lập các hợp tác xã và nông trường đồ sộ, về thực chất là áp đặt duy ý chí quan hệ sản xuất tiên tiến cho một sức sản xuất còn lạc hậu. Mâu thuẫn giữa sức sản xuất và quan hệ sản xuất áp đặt này đã dẫn đến giảm sút nặng nề nền kinh tế của nước ta. Biểu hiện là các hợp tác xã thì yếu kém, nông trường thua lỗ nặng nề trong khi đó việc công hữu hoá quyền sở hữu ruộng đất tư liệu sản xuất của nông dân đã thủ tiêu về cơ bản nền nông nghiệp hộ gia đình và hậu quả là sự đói kém kéo dài ở nông thôn, tình trạng phân phối một cách thiếu thốn lương thực, thực phẩm cho thành thị. Bên cạnh đó nông nghiệp còn có đặc điểm riêng làm cho nhu cầu phát triển kinh tế hộ gia đình càng bức thiết hơn. Hiện nay kinh tế hộ gia đình là hình thức kinh tế phù hợp với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất và cơ

bản hơn nó là hình thức kinh tế phù hợp với đặc điểm sản xuất nông lâm ngư nghiệp. Là hình thức kết hợp tốt nhất giữa tư liệu sản xuất với sức lao động. Vì vậy phát triển kinh tế hộ gia đình là một xu hướng tất yếu nhằm gắn bó con người, cây trồng ruộng nương và mảnh rừng của họ từ đó thu hút mọi lực lượng lao động, kinh nghiệm sản xuất, nguồn vốn tạo ra nhiều sản phẩm cho xã hội ổn định lâu dài cuộc sống ở nông thôn nhất là nông thôn miền núi.

Những thành tựu lớn lao trong nông nghiệp nước ta đạt được mấy năm qua là bằng chứng không thể phủ nhận được về yêu cầu tất yếu của phát triển kinh tế hộ gia đình.

3) Xu hướng phát triển kinh tế hộ ở Việt nam.

Quá trình đổi mới và phát triển kinh tế hộ ở Việt nam và những kinh nghiệm sản xuất trong nền kinh tế thị trường được biểu hiện theo tính qui luật sau đây :

3.1- Kinh tế hộ gia đình từ chỗ mang tính chất kinh tế phụ gia đình đang chuyển dần thành đơn vị kinh tế tự chủ sản xuất kinh doanh trên các mặt quan hệ sở hữu quản lý và phân phối.

- Về sở hữu các hộ gia đình được giao ruộng đất sử dụng ổn định lâu dài, các hộ có tài sản nông cụ, máy móc, trâu bò riêng và được chủ động đất một cách có hiệu quả.

- Về quản lý các hộ gia đình có quyền quyết định phương hướng sản xuất thực hiện việc phân công và hợp tác lao động để phát triển sản xuất chủ động áp dụng các tiến bộ về khoa học kỹ thuật cho thích hợp với điều kiện cây trồng, vật nuôi đất đai của bản thân hộ.

- Về phân phối các hộ sau khi thu hoạch mùa màng nộp thuế theo nghĩa vụ, số nông sản còn lại được sử dụng tuỳ ý của chủ hộ.

Nền kinh tế tự chủ là hợp với xu hướng phát triển, tạo động lực mạnh mẽ cho các hộ chủ động đầu tư thêm vốn, sức lao động để phát triển sản xuất tăng thu nhập cải thiện đời sống.

3.2 Sự đổi mới về cơ cấu kinh tế hộ gia đình ngày càng phù hợp với xu thế phát triển kinh tế hộ gia đình.

Trong quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế trong nền kinh tế thị trường có sự quản lý của Nhà nước, hiện nay các hộ thuần nông có xu hướng giảm dần, tăng dần các hộ kiêm, các hộ chuyên, các hộ buôn bán và dịch vụ.

Vấn đề đổi mới cơ cấu kinh tế hộ nhanh hay chậm, hợp lý hoặc không là do sự tác động đồng thời của quản lý vĩ mô của Nhà nước và tổ chức của kinh tế cơ sở. Mỗi loại hình hộ có xu hướng đổi mới khác nhau.

+ Loại hình kinh tế các hộ thuần nông :

Điển hình của loại hình kinh tế này là các hộ chỉ sản xuất lương thực thực phẩm. Chủ yếu độc canh cây lúa mang nặng tích chất tự cấp, tự túc, đời sống thấp, bấp bênh đặc biệt là những năm, vụ mất mùa lúa. Con đường phát triển sản xuất đối với loại hộ này là phải phá thế độc canh cây lúa đẩy mạnh thâm canh tăng vụ, gieo trồng thêm những cây công nghiệp, cây xuất khẩu, cây có giá trị kinh tế cao và phát triển chăn nuôi.

+ Loại hình kinh tế hộ kiêm :

Loại hình kinh tế này có kinh tế đa dạng vừa trồng trọt, vừa chăn nuôi, nghề rừng (nơi có rừng), thuỷ sản (nơi có ao hồ) vừa làm các ngành nghề tiểu thủ công nghiệp các hộ, các hộ kết hợp cả buôn bán.

+ Loại hình kinh tế hộ chuyên :

Các hộ chuyên làm những các ngành nghề thủ công nghiệp (mộc nề) sản xuất vật liệu xây dựng, vận tải, làm thủ công mỹ nghệ may dệt hoặc dịch vụ kỹ thuật nông nghiệp.

+ Loại hình kinh tế hộ buôn bán :

Loại hình này thường chuyên buôn bán. Buôn chuyến ở chợ, ở cửa hàng, hay ở tại gia đình nhiều mặt hàng hoá khác nhau : (hàng tiêu dùng vật tư nông lâm thuỷ sản). Sự đổi mới cơ cấu kinh tế hộ trên đây ở nông thôn diễn ra với mức độ khác nhau tuỳ thuộc vào đặc điểm điều kiện của các vùng sinh thái khác nhau; vùng thuần nông, vùng sản xuất hàng hoá, vùng ven đồi, vùng ven biển, vùng núi, vùng công nghiệp.

Trong các vùng thuần nông (thường ở vùng sâu, vùng cao) có cơ cấu hộ thuần nông là chủ yếu, tiếp đến là các hộ kiêm, hộ chuyên, hộ buôn bán chiếm tỷ trọng không đáng kể ở các vùng này sự chuyển đổi cơ cấu kinh tế hộ diễn ra chậm chạp. Ở các vùng sản xuất hàng hoá ven thành phố, thị trấn, ven đường giao thông, các hộ thuần nông chiếm tỷ trọng không đáng

kể. Hộ kiêm, hộ chuyên, hộ buôn bán chiếm tỉ trọng cao hơn. Việc đổi mới cơ cấu kinh tế hộ ở các vùng này nhanh hơn. Như vậy trong giai đoạn hiện nay việc đổi mới kinh tế theo hướng thuần nông giảm xuống, các hộ sản xuất đa ngành, hộ kiêm, hộ chuyên, hộ buôn bán và dịch vụ có xu hướng tăng lên. Sự đổi mới cơ cấu kinh tế hộ cho phép chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn ngày càng tiến bộ hơn, điều này cho thấy tỉ trọng lao động nông nghiệp giảm xuống, còn tỉ trọng lao động phi nông nghiệp (công nghiệp nông thôn dịch vụ) tăng lên.

3 3-/ Xu hướng phát triển đã xuất hiện những kinh nghiệm và tăng tỉ lệ hộ giàu trong nông thôn. Trong quá trình phát triển cơ cấu kinh tế hộ một số họ phát triển trở thành những hộ giàu đã có chủ nông trại, chủ trại rừng, chủ máy cày, chủ xay sát, chủ nuôi trồng hải sản những hộ này thường có vốn và lao động có kinh nghiệm sản xuất kinh doanh, biết tính toán làm ăn, biết tiết cận thị trường, biết tiếp thu và vận dụng những tiến bộ kỹ thuật mới vào sản xuất kinh doanh. Bên cạnh một số hộ giàu khá trong nông thôn hiện nay đại bộ phận kinh tế hộ nông thôn hiện nay còn thuộc diện trung bình và nghèo.

Những hộ nghèo thường do nhiều nguyên nhân như : thiếu vốn sản xuất, thiếu việc làm, thiếu đất đai canh tác, nhân khẩu ăn theo nhiều văn hoá trình độ khoa học của hộ còn thấp không biết làm ăn kinh doanh có một số lười biếng chi tiêu không tiết kiệm.

Xu hướng phát triển kinh tế là phải theo chiều hướng tăng số hộ giàu, giảm số hộ nghèo và xoá hẳn hộ đói ở Việt nam. Muốn phát triển kinh tế hộ nông dân sản xuất tăng thu nhập, tăng tích luỹ, nâng cao đời sống vật chất văn hoá của các chủ hộ phải giải quyết tổng hợp hàng loạt các biện pháp chủ yếu sau đây.

4) Một số chủ trương chính sách của Đảng, Nhà nước liên quan đến kinh tế hộ ở Việt nam :

- Chỉ thị 100 của Ban Bí thư ngày 13 tháng 10 năm 1983, nội dung của Chỉ thị là cải tiến công tác khoán. Khoán sản phẩm đến nhóm hoặc người lao động. mặc dù chỉ mới đề cập một cách dè dặt đến kinh tế hộ và chủ yếu đề cập đến sản xuất nông nghiệp, nhưng nó là cái mốc quan trọng đánh dấu việc chuyển đổi từ cơ chế quan liêu bao cấp sang hạch toán tự chủ đối với sản xuất nông lâm nghiệp.

- Nghị Quyết 10 Bộ Chính trị ngày 5 tháng 4 năm 1988 là một bước ngoặt về chủ trương chính sách phát triển nông lâm nghiệp. Nghị quyết nhấn mạnh hộ gia đình là một đơn vị kinh tế tự chủ có đầy đủ tư cách pháp nhân được Nhà nước giao quyền sử dụng các tư liệu sản xuất kể cả đất đai, khuyến khích nông dân, công nhân ở nông lâm trường quốc doanh phát triển kinh tế gia đình. Cho phép các gia đình hoặc cá nhân được thuê đất dài hạn khi Nhà nước chưa sử dụng để phát triển sản xuất và kinh doanh. Đồng thời cho phép hộ gia đình cá nhân được thuê công nhân để phát triển kinh tế. Nghị quyết 10 đã tạo tiền đề pháp lý cho các hộ gia đình an tâm sản xuất, gắn bó với ruộng đất, tích cực đầu tư nguồn vốn, sức lực và kinh nghiệm sản xuất để phát triển kinh tế.

- Nghị quyết 22 Bộ Chính trị ngày 26 tháng 11 năm 1989 về một số chủ trương chính sách phát trển kinh tế xã hội miền núi. Nghị quyết đã khẳng định " kinh tế hộ gia đình là một hình thức thích hợp để phát triển kinh tế hàng hoá ở miền núi. Do đó cần được đặc biệt coi trọng khuyến khích và giúp đỡ phát triển". Về việc phát triển lâm nghiệp, Nghị quyết cũng đề cập đến khuyến khích các hộ gia đình, đồng bào các dân tộc gia đình cán bộ công nhân viên chức, các đơn vị kinh tế cơ sở khai thác đất trống, đồi núi trọc để trồng rừng. Nghị quyết nhấn mạnh " thực hiện chính sách kinh tế nhiều thành phần, điều chỉnh quan hệ sản xuất và đổi mới quản lý, giải phóng triệt để năng lực sản xuất ở miền núi, đảm bảo mọi diện tích đất đai vườn cây, khoảnh rừng đều có chủ ". Nghị quyết khẳng định kinh tế hộ gia đình là một hình thức tổ chức kinh tế phù hợp với đặc điểm miền núi. Khuyến khích phát triển các nông lâm trang trại gia đình, chuyển từ sản xuất mang tính chất tự cung tự cấp sang kinh tế hàng hoá. Mở các dịch vụ cũng như cơ sở hạ tầng để tạo điều kiện cho phát triển kinh tế hộ gia đình.

- Quyết định 327 HĐBT ra ngày 15 tháng 9 năm 1992. Điều 5 của quyết định 327 chỉ rõ :

" Lấy hộ gia đình làm đơn vị sản xuất, lấy doanh nghiệp quốc doanh hoặc đơn vị kinh tế cơ sở làm chỗ dựa để xây dựng kinh tế vườn đối với hộ gia đình. Xây dựng mối quan hệ chặt chẽ giữa các hộ với cộng đồng, với các thành phần kinh tế tập thể, quốc doanh trên địa bàn nhằm phát triển mạnh sản xuất bảo đảm lợi ích của mỗi hộ đồng thời làm tròn nghĩa vụ với Nhà nước và tập thể. Quyết định cũng đã đề cập đến 2 vấn đề chính sau :

+ Giao đất giao rừng : tuỳ theo thứ tự ưu tiên quĩ đất đai, khả năng lao động từng hộ, điều kiện đầu tư, sinh sống, khả năng Nhà nước, khả năng vốn lao động các thành phần kinh tế, mỗi hộ được giao và khoán một diện tích để trồng rừng mới, hoặc để bảo vệ, khoanh nuôi và tái sinh rừng. Ngoài diện tích đất rừng được giao khoán nói trên tuỳ theo quĩ đất nông nghiệp và khả năng lao động mà giao thêm cho mỗi hộ một diện tích đất đai nông nghiệp để trồng cây công nghiệp, cây ngắn ngày hoặc dài ngày, cây lương thực.

+ Về chính sách đầu tư khoảng 60% vốn đầu tư để hỗ trợ cho xây dựng cơ sở hạ tầng, khoa học kỹ thuật. 40% vốn còn lại dành cho các hộ gia đình vay theo nguyên tắc không lấy lãi. Việc hoàn trả vốn vay bắt đầu thực hiện từ khi có sản phẩm, thời gian hoàn trả qui định thích hợp với từng giai đoạn.

5) Những đặc trưng cơ bản của kinh tế hộ gia đình :

- Kinh tế hộ gia đình là kinh tế tự chủ trong nền kinh tế.

Trước đây kinh tế hộ gia đình được coi là kinh tế phụ ngoài giờ, nhưng do giao quyền sử dụng ruộng đất lâu dài cho từng hộ gia đình nên hộ gia đình trở thành chủ thể sử dụng đất đai, tự mình kinh doanh trên diện tích đất đai và tư liệu sản xuất của tập thể, tự tổ chức lao động sản xuất, phân phối chế biến và tiêu thụ sản phẩm mà mình làm ra, nhưng bao giờ cũng có nhiệm vụ đóng góp cho ngân sách Nhà nước.

- Kinh tế hộ gia đình là đơn vị cơ sở của nền sản xuất thể hiện :

+ Hộ gia đình được pháp luật thừa nhận.

+ Hộ gia đình thực hiện tổ chức kinh doanh tức là thực hiện một số công đoạn của quá trình đầu tư từ sản xuất đến tiêu thụ sản phẩm hoặc dịch vụ trên thị trường, nhằm mục đích sinh lợi. Tước đây kinh tế hộ gia đình không được thừa nhận về mặt pháp lý, nó trở thành đối tượng để cải tạo thành kinh tế tập thể nên không được coi là đơn vị cơ sở.

Hiện nay trong cơ chế thị trường, với chính sách kinh tế nhiều thành phần, chính sách giao đất giao rừng cho hộ gia đình sử dụng lâu dài đã đưa kinh tế hộ gia đình trở thành đơn vị cơ sở của sản xuất.

- Kinh tế hộ gia đình là đơn vị sản xuất qui mô nhỏ.

Trước đây kinh tế hộ gia đình luôn được coi là kinh tế phụ nên qui mô nhỏ. Đơn vị sản xuất qui mô nhỏ ở đây phản ánh trình độ sản xuất, khả năng tận dụng thời gian lao động chưa cao, chủ yếu là ngoài giờ của cán bộ công nhân viên chức và xã viên hợp tác xã. Trong giai đoạn hiện nay hộ gia đình là đơn vị sản xuất nhỏ nhưng vẫn chứa đựng một công nghệ sản xuất tiên tiến, lao động mang tính chất xã hội hoá cao, có khả năng sản xuất ra một khối lượng hàng hoá, sử dụng hợp lý các nguồn lao động, vốn, đất đai tổ chức sản xuất, phân phối tiêu thụ sản phẩm.

II-/ ĐẶC ĐIỂM ĐIỀU KIỆN, KINH TẾ XÃ HỘI THÔN TRUNG SƠN - XÃ BA TRAI - HUYỆN BA VÌ - TỈNH HÀ TÂY :

1-/ Điều kiện tự nhiên :

1.1-/ Vi trí địa lý :

Thôn Trung Sơn là một trong 9 thôn của xã Ba Trại nằm cách uỷ ban nhân dân xã 6 km.

Đông giáp thôn Trầm Mè của xã .

Tây giáp lâm trường Ba Vì.

Bắc giáp thôn Trám xã Thuần Mỹ.

Nam giáp thôn Dy xã Minh Quang.

1.2-/ Khí hậu thuỷ văn :

Thôn Trung Sơn - Xã Ba Trại nằm trong vành đai khí hậu nhiệt đới gió mùa, một năm chia thành hai mùa rõ rệt. Mùa mưa từ tháng 5 đến tháng 10, lượng mưa chiếm tới 85,2% tổng số lượng mưa cả năm, tập trung vào các tháng 6,7,8,9 do địa hình đồi núi nên mùa mưa thường gây ra bão lụt ảnh hưởng lớn đến việc giao thông đi lại trong vùng. Mùa khô từ tháng 11 đến tháng 4 năm sau lượng mưa chiếm 14,8% tổng số lượng mưa cả năm, thường là khô hạn. Vì vậy ảnh hưởng lớn đến sự phát triển của cây trồng.

Trên địa bàn xã có suối chảy qua, đây là nguồn nước chủ yếu cung cấp cho sản xuất và sinh hoạt của nhân dân.

Nhìn chung những điều kiện khí hậu (lượng mưa, nhiệt độ, ánh sáng ...) khá phù hợp với nhiều loại cây trồng. Song do khó khăn về nguồn

nước đặc biệt là mùa khô do đó ảnh hưởng đáng kể đến năng suất, sản lượng cây trồng.

1.3-/ Địa hình :

Địa hình thôn Trung Sơn, xã Ba Trại chủ yếu là diện tích đồi núi chiếm 97% tổng diện tích, độ cao trung bình 25,0 - 692,5 m giữa các đồi là những dải đất trũng thấp khoảng 3% tổng diện tích.

1.4-/ Đất đai thổ nhưỡng :

Thành phần chủ yếu là đất nâu đỏ phát triển trên đá maxma.

Nhìn chung đất ở đây khá màu mỡ phù hợp với cây công nghiệp (chè) cây ăn quả (vải, na, hồng yên thôn, hồng tám, ...)

2/ Điều kiện kinh tế xã hội :

2.1-/ Dân số và lao động :

Thôn Trung Sơn có tổng số 1.200 nhân khẩu hầu hết là xã viên hợp tác xã nông nghiệp. Tổng số hộ là 240. Bình quân nhân khẩu 1 hộ là 5 người.

Về thành phần dân tộc : Dân tộc Mường chiếm 67% còn lại là dân tộc kinh 33%.

Số người đến tuổi lao động là 600 người chiếm 50% tổng số. Trình độ văn hoá nói chung là thấp.

2.2-/ Quĩ và cơ cấu đất đai :

Trong những năm qua, tình hình quản lý và sử dụng đất đai ở xã Ba Trại diễn ra hết sức phức tạp. Đặc biệt là việc giao đất làm nhà cho các cơ quan đóng trên địa bàn còn tuỳ tiện, không đúng qui định của pháp luật. Việc theo dõi sự biến động đất đai chưa được thường xuyên, do đó việc quản lý đất đai còn gặp nhiều khó khăn. Trong xã còn diễn ra những trường hợp mua bán, lấn chiếm đất đai vi phạm pháp luật.

Tổng diện tích tự nhiên của xã là : 1.092,14 ha.

Trong đó diện tích đã giao sử dụng là : 987,19 ha.

Diện tích chưa giao sử dụng là : 104,95 ha.

Diện tích đã giao sử dụng gồm có :

- Diện tích đất nông nghiệp 777,9 ha chiếm 71% tổng diện tích.

- Diện tích đất lâm nghiệp là 108,7 ha chiến 0,9% tổng diện tích trong đó rừng trồng là 89,3 ha.

- Đất chuyên dùng (đất xây dựng, giao thông, thuỷ lợi, đất làm nguyên vật liệu xây dựng, nghĩa địa ...) là 42,13 ha chiếm 0,3%.

- Đất ở diện tích là 58,45 ha chiếm 0,5%.

Biểu 01 thể hiện thực trạng sử dụng đất đai của thôn Trung Sơn.

Diện tích của toàn thôn Trung Sơn là 137,22 ha chiếm 12,5% tổng diện tích đất của xã. Ở đây diện tích đất nông nghiệp chiếm tỷ trọng cao nhất trong tổng số diện tích của thôn (68,32% tương ứng 93,62 ha)

Đất lâm nghiệp chỉ chiếm 20,4% tương ứng là 28 ha. Qua đây ta thấy phần lớn diện tích đất đai của thôn đã được đưa vào sử dụng.

Biểu 01 : QUĨ VÀ CƠ CẤU ĐẤT ĐAI CỦA THÔN TRUNG SƠN XÃ BA TRẠI

STT	CÁC LOẠI ĐẤT PHÂN THEO MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG	DIỆN TÍCH (ha)	TỶ TRỌNG SO VỚI TỔNG SỐ
	Tổng diện tích	**137,22**	**100**
I	Đất trồng trọt nông nghiệp	93,62	68,3
1	Ruộng lúa	26,74	19,5
	+ Lúa 1 vụ	11,16	8,2
	+ Lúa 2 vụ	15,58	11,3
2	Đất trồng màu	3,2	2,3
3	Đất trồng cây công nghiệp	50,0	36,4
4	Đất trồng cây ăn quả	8,88	6,4
5	Đất vườn tạp	2,8	2,0
6	Ao thả cá	2,0	1,4
II	Đất lâm nghiệp	28,0	20,4
1	Rừng tự nhiên	0	0

2	Rừng trồng	28,0	20,4
3	Đồi núi trọc	0	0
III	Đất thổ cư	9,87	7,2
	Trong đó vườn nhà	6,87	5,0
IV	Đất chuyên dùng	2,19	1,5
V	Đất khác	3,54	2,5

2.3-/ Cơ sở ha tầng và dịch vụ xã hội :

- Giao thông :

Trên địa bàn xã có 6,5 km quốc lộ tỉnh lộ chạy qua. Đây là tuyến đường đối ngoại chính của xã đồng thời cũng là tuyến giao thông chính giữa các khu dân cư. Ngoài ra còn có 1,62 km đường liên thôn và đến các khu sản xuất chính. Các tuyến đường này hầu hết là đường đất, chất lượng kém chưa đảm bảo được nhu cầu sản xuất, đi lại của nhân dân.

- Nguồn điện :

Hiện có một trạm biến thế 110 KV đặt tại khu của uỷ ban. Qua thôn còn có đường dây 110 KV và 250 KV chạy qua.

Mạng lưới điện được lắp đặt tới 9 thôn xóm. Số hộ dùng điện chiếm 100% tổng số hộ.

Thị trường tiêu thụ sản phẩm chủ yếu là tại nhà và chợ Ba Trại.

- Công trình văn hoá phúc lợi.

Hệ thống công trình văn hoá phúc lợi của xã đã được hình thành xong còn thiếu, một số công trình đã xuống cấp, trạm xá trường học.

Riêng thôn Trung sơn có một lớp mẫu giáo và trường cấp I, II đóng tại thôn, còn khám chữa bệnh tại trạm xã của xã.

3- Đánh giá chung tiềm năng, thế mạnh và khó khăn của địa phương.

- Về điều kiện tự nhiên:

Nhìn chung điều kiện tự nhiên ở đây phù hợp cho việc phát triển nông lâm, công nghiệp và chăn nuôi, nhất là phát triển nuôi ong.

- Dịch vụ hỗ trợ cho nông nghiệp và nông thôn còn thiếu và yếu kém, nhất là dịch vụ vật tư, vốn, tiêu thụ, chế biến sản phẩm, thông tin kinh tế.

- Cơ sở hạ tầng chưa đáp ứng đầy đủ phục vụ cho sản xuất. Đời sống nhân dân trong vùng còn nhiều khó khăn vất vả.

III-/ PHÂN TÍCH ĐÁNH GIÁ MÔ HÌNH KINH TẾ HỘ THÔN TRUNG SƠN, XÃ BA TRẠI, HUYỆN BA VÌ , TỈNH HÀ TÂY.

1-/ Tổ chức sử dụng các yếu tố đầu vào của kinh tế hộ.

1.1-/ Tổ chức sử dụng đất đai.

a) Qui mô và thực trạng sử dụng đất đai .

Biểu 02 cho ta thấy cơ cấu sử dụng đất đai của 25 hộ điều tra. Tổng diện tích là 20,866 ha. Trong đó diện tích đất lâm nghiệp là 5,5 ha chiếm 0,255% tổng diện tích, trong đó rừng trồng 3 ha chiếm 0,144%, rừng nhận khoanh nuôi bảo vệ là 2,5 ha chiếm 0,111%. Ở đây diện tích đất lâm nghiệp chiếm tỷ trọng nhỏ lại đa số là rừng mới trồng, nên sản phẩm thu được là rất ít, không đáng kể.

Diện tích đất trồng cây công nghiệp là 7,87 ha chiếm 0,377%. Diện tích đất cây công nghiệp là diện tích chiếm tỷ trọng cao nhất, sản phẩm thu được là rất nhiều. Đây là nguồn thu chính của các hộ gia đình. Diện tích đất màu là 2,45 ha chiếm 0,117%.

Diện tích đất cấy lúa: Lúa một vụ là 0,95 ha chiếm 0,046%, lúa hai vụ là 1,8 ha chiếm 0,086% . Đất đào ao thả cá chiếm tỷ trọng thấp nhất là 0,014%.

Mặt khác cơ cấu sử dụng đất đai giữa các nhóm hộ cũng khác nhau, tuỳ vào điều kiện sản xuất khác nhau mà hộ nhận nhiều hay ít.

Biểu 02 : CƠ CẤU SỬ DỤNG ĐẤT ĐAI NĂM 1997

	Số hộ điều tra	Số nhân khẩu	Cơ cấu đất đai (đơn vị tính : ha)										Bình quân 1 hộ	Bình quân 1 lao động	Bình quân 1 khẩu
			Lúa 1 vụ	Lúa 2 vụ	Đất thổ cư		Ao cá	Đất màu	Cây Công nghiệp	Cây ăn quả	Cây lâm nghiệp		Tổng cộng			
					Nhà	Vườn					Rừng	Khoanh nuôi				
I-/ PHÂN THEO MỨC THU NHẬP BÌNH QUÂN 1 HỘ/NĂM																
- Dưới 5 triệu	2	11			0,008	0,07	0,04	0,23	0,61	0,08			1,038	0,519	0,074	0,094
- Từ 5 - 15 triệu	21	100	0,9	1,7	0,09	0,79	0,17	1,32	6,54	0,8	3,0		15,31	0,729	0,291	0,153
- Trên 15 triệu	2	11	0,05	0,1	0,008	0,07	0,09	0,90	0,72	0,08		2,5	4,518	2,259	0,904	0,410
II-/ PHÂN THEO NHÓM DÂN TỘC																
- Dân tộc Kinh	19	92	0,6	1,2	0,07	0,71	0,15	1,73	5,26	0,71	2,49		12,92	0,68	0,253	0,140
- Dân tộc Mường	6	30	0,35	0,6	0,036	0,22	0,15	0,72	2,61	0,25	0,51	2,5	7,946	1,324	0,568	0,265
III-/ PHÂN THEO QUI MÔ DIỆN TÍCH SỬ DỤNG																
- Dưới 10.000 m^2	19	86	0,45	0,94	0,07	0,71	0,15	1,16	5,05	0,71	1,49		10,73	0,565	0,224	0,125
- Từ 10.000-30.000 m^2	6	36	0,5	0,86	0,036	0,22	0,15	1,29	2,82	0,25	1,51	2,5	10,136	1,689	0,596	0,281
Tổng	25	122	0,95	1,8	0,106	0,93	0,3	2,45	7,87	0,96	3,0	2,5	20,866	0,835	0,321	0,171
Tỷ trọng %			0,046	0,086	0,005	0,045	0,014	0,117	0,377	0,046	0,144	0,111	100			

THƯ VIỆN TRƯỜNG ĐẠI HỌC LÂM NGHIỆP

Như nhóm hộ có thu nhập cao thì diện tích đất sử dụng trung bình lớn hơn so với nhóm hộ có thu nhập thấp. Đối với nhóm hộ dân tộc Kinh thì bình quân diện tích sử dụng của một hộ, bình quân một lao động, một khẩu đều nhỏ hơn nhóm hộ dân tộc Mường.

Nếu xét theo quy mô diện tích sử dụng ta thấy :

Nhóm hộ có diện tích sử dụng bình quân dưới 10000 m2 diện tích sử dụng đất bình quân một hộ là 0,565 ha, bình quân một lao động là 0,224 ha, bình quân một khẩu là 0,125 ha.

Nhóm hộ từ 10.000 m^2 - 30.000 m^2 diện tích sử dụng đất đai bình quân một hộ là 1,689 ha, bình quân một lao động là 0,596 ha và bình quân một khẩu là 0,281 ha.

Qua tìm hiểu thực tế chúng tôi thấy số hộ sử dụng đất trồng cây công nghiệp đa phần là những hộ có thu nhập cao và đông lao động. Hơn nữa họ có điều kiện và kinh nghiệm để phát triển sản xuất.

Ngoài việc mở rộng diện tích trồng cây ăn quả họ còn phát triển nuôi ong để tận dụng lợi thế vốn có của địa phương để tăng thu nhập. Nói chung diện tích đất đai ở vùng này tương đối thấp so với vùng trung du.

b) Các mô hình canh tác đều gắn với điều kiện sản xuất và đặc điểm đất đai của vùng, với từng loại đất khác nhau, đều có mô hình canh tác riêng với những loại cây trồng khác nhau. Song đều có sự chỉ đạo của hợp tác xã.

- Mô hình canh tác đất ruộng :

Do ruộng lúa của hợp tác xã thường nằm trong các thung lũng và chân dốc luôn được phù sa bồi tụ, một số diện tích lại đủ nước quanh năm ở đây diện tích lúa 2 vụ là khá lớn so với 1 vụ.

Để đạt được năng suất cao đáp ứng nhu cầu lương thực, các hộ rất quan tâm đến chọn giống lúa thích hợp cho từng loại đất mà hộ canh tác. Giống lúa mà địa phương sử dụng hiện nay là CR203, bao thai thuần chủng và một số giống lúa khác. Ngoài ra các hộ còn áp dụng các biện pháp kỹ thuật, chăm bón tốt kết hợp phân chuồng, phân đạm, kali.

Bên cạnh đó xã có ban bảo vệ thực vật phát hiện sớm các dịch bệnh và tiến hành hướng dẫn bà con cách phòng trừ kịp thời, do vậy mà sản lượng

lương thực của xã tương đối ổn định và không ngừng tăng lên năng suất bình quân đạt từ 130 - 180 kg/sào/vụ đáp ứng đủ nhu cầu lương thực tại xã.

So sánh giữa các hộ với nhau thì khả năng thâm canh khác nhau. Đối với các hộ có thu nhập thấp do thiếu vốn sản xuất nên đầu tư không kịp thời và đúng lúc nên năng suất bao giờ cũng thấp hơn hộ có điều kiện sản xuất khá.

Một số phương thức canh tác đồi núi :

Do đặc điểm địa hình đất đai của địa phương hướng phát triển kinh tế lâm nghiệp rất được các hộ và xã coi trọng. Xã có ban khuyến nông, khuyến lâm gồm một trưởng ban và 5 nhân viên chịu trách nhiệm hướng dẫn cho bà con các biện pháp kỹ thuật về sử dụng đất đồi núi, làm sao vừa đảm bảo được độ phì của đất, vừa đảm bảo hiệu quả kinh tế cao.

Hàng năm xã mở lớp tập huấn mời cán bộ phòng nông lâm về phổ biến các kỹ thuật, trồng cây ăn quả, cây công nghiệp và hướng dẫn bà con các mô hình sản xuất nông lâm kết hợp.

Đất đồi núi sử dụng cho sản xuất nông nghiệp thì mô hình chủ yếu là các ruộng bậc thang. Ở những nơi có điều kiện vừa sử dụng sản xuất một vụ lúa và một vụ màu, nhưng diện tích không lớn mà chủ yếu là mô hình nông lâm kết hợp giữa các cây lâm nghiệp và các cây công nghiệp. Ngoài ra còn có 1 số mô hình đang được áp dụng như trồng cây công nghiệp (cây chè) kết hợp với cây ăn quả vừa có tác dụng che bóng, còn cây chè có tác dụng chống sói mòn. Đây là mô hình đang được quan tâm nhất ở địa phương.

1.2-/ Tổ chức sử dụng lao động :

Qua biểu 03 ta thấy tổng nhân khẩu là 122 người.

Độ tuổi từ 16 - 18 tuổi 15 người chiếm 12,3%, từ 18 - 60 tuổi có 65 người chiếm 53,2%. Người có trình độ đại học không có. Không biết chữ có 8 người chiếm 6,5% đó là những trẻ nhỏ chưa đến tuổi đi học. Tuổi từ 16 - 18 tuổi có 15 người chiếm 12,3% trong tổng số.

Đây là lứa tuổi có khả năng tiếp nhận cái mới, biết vận dụng lý thuyết vào thực tiễn sản xuất tại địa phương mình là tầng lớp kế cận bổ sung vaò lực lượng lao động của xã.

BIỂU 03 : DÂN SỐ VÀ LAO ĐỘNG NĂM 1997

	Số hộ điều tra	Số nhân khẩu	Phân theo											
			Giới tính		Độ tuổi				Trình độ văn hoá					
			Nam	Nữ	<16	16 - 18	18 - 60	>60	Đại học	T.Cấp	Cấp III	Cấp II	Cấp I	Không biết chữ
I-/ PHÂN THEO MỨC THU NHẬP BÌNH QUÂN 1 HỘ/NĂM														
_ Dưới 5 triệu	2	11	6	5	3	1	7				4	6	1	
_ Từ 5 _ 15 triệu	21	100	53	47	31	13	53	3		2	8	54	29	8
_ Trên 15 triệu	2	11	5	6	5	1	5				2	6	3	
II-/ PHÂN THEO NHÓM DÂN TỘC														
_ Dân tộc kinh	19	92	46	46	30	9	51	2		1	9	50	25	8
_ Dân tộc mường	6	30	18	12	9	6	14	1		1	5	16	8	
III-/ PHÂN THEO QUI MÔ DIỆN TÍCH SỬ DỤNG														
_ Dưới 10.000 m2	19	86	49	37	28	8	48	2			7	50	26	5
_ Từ 10.000 - 30.000 m2	6	36	15	21	11	7	17	1		2	7	16	7	3
Tổng cộng	***25***	***122***	***64***	***58***	***39***	***15***	***65***	***3***		***2***	***14***	***66***	***33***	***8***
Tỷ trọng %		***100***	***52.5***	***47.5***	***32***	***12.3***	***53.2***	***2.5***		***1.6***	***11.4***	***54***	***27***	***6.5***

THƯ VIỆN TRƯỜNG ĐẠI HỌC LÂM NGHIỆP

Về dân tộc Kinh có 19 hộ trong đó nhân khẩu là 92 chiếm 75,4% tổng số nhân khẩu. Dân tộc Mường có 6 hộ trong đó nhân khẩu là 30 chiếm 24,6%.

Về phân công sử dụng lao động : Các hộ ở đây chỉ thực hiện phân công lao động theo giới tính. Người chủ gia đình chủ yếu là đàn ông chịu trách nhiệm phân công xếp đặt công việc. Những công việc như chăm sóc cây, gia súc ... thường do người phụ nữ đảm nhận, chăn nuôi chủ yếu là do các en nhỏ đang độ tuổi đi học và người già. Các hình thức trao đổi công lao động được thực hiện giữa các hộ gia đình, lao động làm thuê hầu như không có.

Nói tóm lại nguồn lực lao động ở đây dồi dào. Tuy nhiên cũng đặt ra những vấn đề bức xúc là tạo công ăn việc làm cho cư dân địa phương.

1.3-/ Tổ chức sử dụng tư liệu sản xuất và các công trình phục vụ sản xuất :

Qua biểu 04 ta thấy : điều kiện lao động của các hộ chủ yếu là thủ công việc áp dụng cơ giới hoá rất ít, chỉ một số gia đình sử dụng máy bơm nước bằng điện để phục vụ cho việc tưới tiêu rau màu.

Về sức kéo trong sản xuất chủ yếu là dùng trâu bò. Mỗi hộ bình quân 1,2 con trâu bò.

Trong 2,5 hộ điều tra có 9 hộ không có trâu bò những hộ này là những hộ không có điều kiện và thu nhập kém.

Về phương tiện vận chuyển chủ yếu là vận chuyển bằng xe trâu kéo hoặc bằng sức người, trong 25 hộ có 10 hộ có xe trâu.

Ngoài ra máy tuốt lúa hoạt động bằng chân có 14 chiếc.

Sở dĩ phương tiện vận chuyển cũng như những phương tiện khác phục vụ sản xuất mang tính thời vụ là rất ít bởi vì ruộng nương có ít. Ở đây các hộ gia đình chủ yếu chú trọng phát triển cây công nghiệp và cây ăn quả.

BIỂU 04 : CÔNG CỤ SẢN XUẤT TÍNH ĐẾN HẾT NĂM 1997

Đơn vị tính 1000 đồng

	Số hộ điều tra	Cái xe trâu		Máy bơm		Bình phun thuốc		Trâu Bò		Máy tuốt lúa		Cày bừa		Tổng giá trị
		S.lượng	Gía trị	S.lượng	Gía trị	S.lượng	Giá trị	S.lượng	Giá trị	S.lượng	Giá trị	S.lượng	Giá trị	
I-/ PHÂN THEO MỨC THU NHẬP BÌNH QUÂN 1 HỘ/NĂM														
_ Dưới 5 triệu	2	1	300	0	0	2	160	1	2000	1	120	2	300	2880
_ Từ 5 _ 15 triệu	21	8	2400	11	4400	21	1680	24	48000	12	1440	18	5400	63320
_ Trên 15 triệu	2	1	300	2	800	2	160	4	4000	1	120	2	310	5690
II-/ PHÂN THEO NHÓM DÂN TỘC														
_ Dân tộc Kinh	19	6	1800	9	3600	19	1520	12	20000	9	1080	12	3010	31910
_ Dân tộc Mường	6	4	1200	4	1600	6	480	17	34000	5	600	10	3000	40280
III-/ PHÂN THEO QUI MÔ DIỆN TÍCH SỬ DỤNG														
_ Dưới 10.000 m2	19	5	1500	9	2800	19	1520	13	22000	9	1080	12	3010	31901
_ Từ 10.000 - 30.000 m2	6	5	1500	4	2400	6	480	16	32000	5	600	10	3000	39980
Tổng cộng	***25***	***10***	***3000***	***13***	***5200***	***25***	***2000***	***29***	***54000***	***14***	***1680***	***22***	***6010***	***215670***

THƯ VIỆN TRƯỜNG ĐẠI HỌC LÂM NGHIỆP

2-/ Tổ chức tiêu thụ sản phẩm của hộ gia đình :

Qua biểu 05 ta thấy : Tỷ suất hàng hoá bán ra chiếm 68,9%, sản phẩm lúa không bán ra thị trường, chỉ đủ tiêu dùng, có hộ thiếu còn phải mua thêm. Cây công nghiệp chiếm tỷ trọng cao nhất trong tổng giá trị sản phẩm bán ra 49,1%. Ở đây chủ yếu là chè, sau đó là đến chăn nuôi chiếm tỷ trọng là 35,9% giá trị sản phẩm bán ra. Tỷ suất hàng hoá của cây công nghiệp là 82,1%. Tỷ suất hàng hoá của chăn nuôi là 80,3%.

Những sản phẩm sản xuất ra của các hộ chủ yếu là được tiêu thụ tại chợ Ba Trại. Một số được tiêu thụ tại chỗ như chăn nuôi, hoa quả, sản phẩm cây công nghiệp tiêu thụ tại chỗ.

3-/ Hạch toán kinh tế của hộ gia đình :

3.1-/ Tổng thu nhập của hộ gia đình :

Qua số liệu thu thập ở 25 hộ tình hình thu nhập và cơ cấu thu nhập được trình bày ở biểu 06. Qua biểu 06 ta thấy : Tổng thu nhập của 25 hộ là 242.369.000 đồng. Bình quân một hộ là 9.694.000 đồng, bình quân một khẩu là 1.986.000 đồng.

- Nếu xét theo mức thu nhập thì bình quân của nhóm hộ có thu nhập cao nhất là trên 15 triệu đồng gấp 5,11 lần nhóm hộ có thu nhập dưới 15 triệu đồng và lớn gấp 3 lần nhóm hộ có mức thu nhập từ 5-15 triệu đồng.

Thu nhập bình quân một nhân khẩu của nhóm trên 15 triệu lớn gấp 5,11 lần bình quân nhóm dưới 5 triệu và lớn gấp 2,58 lần thu nhập bình quân của nhóm hộ 5-15 triệu đồng.

- Nếu xét theo nhóm dân tộc thì hộ gia đình người Kinh có thu nhập bình quân thấp hơn dân tộc Mường và thu nhập bình quân một khẩu cũng thấp hơn dân tộc Mường.

- Nếu xét theo qui mô diện tích thì nhóm hộ có diện tích càng lớn thì thu nhập bình quân càng cao, nhóm hộ có diện tích ít thì bình quân thu nhập càng thấp.

BIỂU 05 : SẢN XUẤT HÀNG HOÁ HỘ GIA ĐÌNH NĂM 1997

Đơn vị tính : 1000 đồng

	Cơ cấu sản phẩm hàng hoá								Tỷ suất hàng hoá
	Màu	Cây công nghiệp	Cây ăn quả	Chăn nuôi	Cá	Vườn nhà	Lâm nghiệp	Tổng	
I-/ PHÂN THEO MỨC THU NHẬP BÌNH QUÂN 1 HỘ/NĂM									
_ Dưới 5 triệu		2200	700	2405				5305	53,2
_ Từ 5 _ 15 triệu	156	62260	9750	53710	1550	3400		130826	72,8
_ Trên 15 triệu	1000	17700	4200	3880	1250	1580	1379	30989	58,7
II-/ PHÂN THEO NHÓM DÂN TỘC									
_ Dân tộc Kinh	1156	55110	11600	35925	2300	3420		109511	68,9
_ Dân tộc Mường		27050	3050	24070	500	1560	1379	57609	69,0
III-/ PHÂN THEO QUI MÔ DIỆN TÍCH SỬ DỤNG									
_ Dưới 10.000 m2	156	50860	8800	29095	1300	1340		91551	69,8
_ Từ 10.000 - 30.000 m2	1000	31300	5850	30900	1500	3640	1379	75569	67,8
Tổng cộng	***1156***	***82160***	***14650***	***59995***	***2800***	***4980***	***1379***	***167120***	***68,9***
Tỷ trọng %	***0,7***	***49,1***	***8,8***	***35,9***	***1,7***	***3***	***0,8***	***100***	
Tỷ suất hàng hoá (%)	***19,8***	***82,1***	***74,9***	***80,3***	***58,3***	***89,6***	***85,8***	***69,0***	

THƯ VIỆN TRƯỜNG ĐẠI HỌC LÂM NGHIỆP

BIỂU 06 : THU NHẬP VÀ CƠ CẤU THU NHẬP

Đơn vị tính : 1000 đồng

	Số hộ điều tra	Số nhân khẩu	Cơ cấu tổng thu nhập											Bình quân 1 hộ	Bình quân 1 khẩu
			Lúa	Màu	ây côn nghiệp	Cây ăn quả	Chăn nuôi	Thả cá	Lâm nghiệp	Nghề phụ dịch vụ	Vườn nhà	Lương	Tổng thu nhập		
I-/ PHÂN THEO MỨC THU NHẬP BÌNH QUÂN 1 HỘ/NĂM															
_ Dưới 5 triệu	2	11	900	300	2330	110	4950				380		9960	4980	905
_ Từ 5 _ 15 triệu	21	100	17950	3121	77710	13450	54550	2800		5700	3790	590	179661	8555	1796
_ Trên 15 triệu	2	11	900	2430	20000	5000	15200	2000	1608	4000	1390	220	52748	26374	4795
II-/ PHÂN THEO NHÓM DÂN TỘC															
_ Dân tộc Kinh	19	92	1085	3786	62090	15400	48830	3800		9700	4248	220	158924	8364	1727
_ Dân tộc Mường	6	30	8900	2065	37950	4150	25870	1000	1608		1312	590	83445	13907	2781
III-/ PHÂN THEO QUI MÔ DIỆN TÍCH SỬ DỤNG															
_ Dưới 10.000 m2	19	86	11490	1236	57890	12350	42000	2300		2700	1010		130976	6893	1522
_ Từ 10.000 - 30.000 m2	6	36	8260	4615	42150	7200	32700	2500		7000	4550	810	111393	18565	3094
Tổng	***25***	***122***	***19750***	***5851***	***100040***	***19550***	***74700***	***4800***	***1608***	***9700***	***5560***	***810***	***242369***	***9694***	***1986***
Tỷ trọng %			***8,1***	***2,4***	***41,3***	***8,0***	***30,8***	***2***	***0,7***	***4,0***	***2,3***	***0,3***	***100***		

THƯ VIỆN TRƯỜNG ĐẠI HỌC LÂM NGHIỆP

3.2-/ Chi phí sản xuất :

Qua biểu 07 ta thấy : Chi phí dùng cho cây công nghiệp chiếm 37,5% tổng chi phí sản xuất, chiếm tỷ trọng cao nhất trong tổng chi phí sản xuất của hộ gia đình năm 1997. Chính vì vậy mà thu nhập từ trồng cây công nghiệp cũng chiếm tỷ trọng cao nhất trong tổng thu nhập của hộ. Các chi phí cho cây công nghiệp chủ yếu là phân bón các loại, thuốc kích thích và thuốc trừ sâu.

Xét theo thu nhập thì nhóm có thu nhập dưới 5 triệu chi phí sản xuất bình quân một hộ là 1.568.000 đồng.

Nhóm có thu nhập từ 5-15 triệu đồng chi phí bình quân một hộ là 2.125.000 đồng. Vậy nhóm có thu nhập càng cao thì chi phí sản xuất càng lớn.

Nếu phân theo nhóm có diện tích thì nhóm hộ có diện tích càng ít thì chi phí cho sản xuất càng thấp. Nhóm hộ có diện tích càng cao thì chi phí cho sản xuất càng cao.

3.3-/ Chi phí đời sống của hộ gia đình :

Tình hình chi tiêu đời sống của các hộ gia đình năm 1997 được biểu hiện ở biểu 08.

Quả biểu 08 ta thấy : tình hình chi tiêu cho học hành chiếm 10,6%, chi tiêu cho may mặc là 10,0%. Chi tiêu mua sắm là rất ít chiếm 2,0%, chi tiêu khác chiếm 5,7%.

Chi tiêu lớn nhất là chi tiêu cho ăn uống chiếm 71,7% nhóm hộ có thu nhập càng cao thì chi tiêu đời sống bình quân một hộ và chi tiêu đời sống bình quân một khẩu càng cao, còn nhóm hộ có thu nhập càng thấp thì chi tiêu càng ít.

Nhóm hộ dân tộc Mường có mức chi tiêu đời sống bình quân 1 hộ, bình quân 1 khẩu lớn hơn nhóm hộ dân tộc Kinh.

Nếu xét theo qui mô diện tích thì nhóm hộ có diện tích từ 10.000 m^2 - 30.000 m^2 chi tiêu đời sống bình quân 1 khẩu của nhóm hộ này lớn hơn nhóm hộ dưới 10.000 m^2.

Và chi tiêu đời sống 1 khẩu của nhóm hộ có qui mô từ 10.000 - 30.000 m^2 lớn hơn nhóm hộ có qui mô diện tích 10.000 m^2.

BIỂU 07 : CHI PHÍ SẢN XUẤT NĂM 1997

Đơn vị tính : 1000 đồng

	Số hộ điều tra	Cơ cấu chi phí sản xuất									Bình quân 1 hộ
		Lúa	Màu	Cây công nghiệp	Cây ăn quả	Chăn nuôi	Thả cá	Thuế	Trả lãi ngân hàng	Tổng cộng	
I-/ PHÂN THEO MỨC THU NHẬP BÌNH QUÂN 1 HỘ/NĂM											
_ Dưới 5 triệu	2	250	90	700	400	1100		236	360	3136	1568
_ Từ 5 _ 15 triệu	21	3260	780	16690	4260	15620	420	2924	679	44633	2125
_ Trên 15 triệu	2	300	600	400	2200	900	300	547	360	9207	46035
II-/ PHÂN THEO NHÓM DÂN TỘC											
_ Dân tộc Kinh	19	1985	945	15290	5480	14370	520	2452	1039	42081	2214
_ Dân tộc Mường	6	1825	525	6100	1380	3250	200	1255	360	14895	2482
III-/ PHÂN THEO QUI MÔ DIỆN TÍCH SỬ DỤNG											
_ Dưới 10.000 m2	19	1410	375	13590	1360	13920	320	2220	1039	34234	1801
_ Từ 10.000 - 30.000 m2	6	2400	1095	7800	5500	3700	400	1387	360	22742	3790
Tổng	***25***	***3810***	***1470***	***21390***	***6860***	***17620***	***720***	***3707***	***1399***	***56976***	***2279***
Tỷ trọng %		***6,7***	***2,6***	***37,5***	***12,0***	***30,9***	***0,3***	***6,5***	***2,5***	***100***	

THƯ VIỆN TRƯỜNG ĐẠI HỌC LÂM NGHIỆP

BIỂU 08 : TÌNH HÌNH CHI TIÊU ĐỜI SỐNG

Đơn vị tính : 1000 đồng

	Cơ cấu chi phí đời sống						Chi tiêu đời sống 1 hộ	Chi tiêu đời sống 1 khẩu
	Lương thực thực phẩn	Mặc	Học hành	Mua sắm	Chi khác	Tổng cộng		
I-/ PHÂN THEO MỨC THU NHẬP BÌNH QUÂN 1 HỘ/NĂM								
_ Dưới 5 triệu	4900	800	1000		400	7100	3550	645
_ Từ 5 _ 15 triệu	75200	10700	11850	1400	6040	105190	5009	1051
_ Trên 15 triệu	16000	1900	1300	1300	1200	21700	10850	1972
II-/ PHÂN THEO NHÓM DÂN TỘC								
_ Dân tộc Kinh	73000	10500	9850	1200	5140	99690	5246	1083
_ Dân tộc Mường	23100	2900	4300	1500	2500	34300	5716	1143
III-/ PHÂN THEO QUI MÔ DIỆN TÍCH SỬ DỤNG								
_ Dưới 10.000 m2	65000	9500	10350	900	4940	90690	4773	1054
_ Từ 10.000 - 30.000 m2	31100	3900	3800	1800	2700	43300	7216	1202
Tổng	***96100***	***13400***	***14150***	***2700***	***7640***	***133990***	***6051***	***1164***
Tỷ trọng %	***71,7***	***10,0***	***10,6***	***2,0***	***5,7***	***100***	***5359***	***1098***

VIETNAM NATIONAL UNIVERSITY OF FORESTRY - TRƯỜNG ĐẠI HỌC LÂM NGHIỆP - SINCE 1964
THƯ VIỆN TRƯỜNG ĐẠI HỌC LÂM NGHIỆP

BIỂU 09 : TÍCH LUỸ HỘ GIA ĐÌNH

Đơn vị tính : 1000 đồng

	Tổng thu nhập	Tổng chi phí sản xuất	Tổng chi phí đời sống	Tích luỹ	Tích luỹ bình quân 1 hộ
I-/ PHÂN THEO MỨC THU NHẬP BÌNH QUÂN 1 HỘ/NĂM					
_ Dưới 5 triệu	9960	3136	7100	_ 276	
_ Từ 5 _ 15 triệu	179661	44633	105190	29838	1420
_ Trên 15 triệu	52748	9207	21700	21841	10920
II-/ PHÂN THEO NHÓM DÂN TỘC					
_ Dân tộc Kinh	158924	42081	99690	17153	902
_ Dân tộc Mường	83445	14895	34300	34250	5708
III-/ PHÂN THEO QUI MÔ DIỆN TÍCH SỬ DỤNG					
_ Dưới 10.000 m2	130976	34234	90690	6052	318
_ Từ 10.000 - 30.000 m2	111393	22742	43300	45351	7558
Tổng	***242369***	***56976***	***133990***	***51403***	***2056***

THƯ VIỆN TRƯỜNG ĐẠI HỌC LÂM NGHIỆP

3.4-/ Tích luỹ của hộ gia đình :

Qua số liệu của biểu 09 ta thấy : tích luỹ bình quân 1 hộ là 2.056.000 đồng.

Nhóm hộ có thu nhập càng cao thì phần tích luỹ càng cao. Nhóm hộ có mức tích luỹ cao nhất bình quân 1 hộ là 7.558.000 đồng. Nhóm hộ có mức thu nhập thấp nhất năm 1997 không có tích luỹ mà còn thiếu tức là thu nhập không đủ để bù đắp chi phí. Nhìn chung những hộ có tích luỹ cao là những hộ gia đình có đông lao động, có diện tích đất sử dụng nhiều và có điều kiện về vốn.

Các hộ này tiện nghi trong gia đình tương đối đầy đủ như : đài, ti vi, quạt điện, một số hộ còn có xe cúp 50. Còn nhóm hộ thiếu ăn là do ít lao động, khó khăn về vốn, đất đai ít.

Qua đây ta thấy sự phân hoá giàu nghèo đã diễn ra ở địa phương. Vì các hộ có thu nhập cao lại càng điều kiện sản xuất và trở lên giàu có. Các hộ nghèo không có khả năng mở rộng sản xuất, đầu tư hạn chế, lao động ăn theo lại chiếm tỷ trọng cao. Vì vậy thu nhập bình quân tăng chậm.

4-/ Phân tích một số mô hình kinh tế điển hình :

Dựa vào số liệu thu được qua điều tra, chúng tôi đã chọn ra 2 mô hình kinh tế điển hình.

4.1-/ Ông Đoàn Đức Khanh :

- Sơ lược về gia đình :

Ông Khanh năm nay 42 tuổi là người dân tộc Kinh, thời gian định cư là 16 năm.

Gia đình ông gồm có 6 người trong đó 2 nam và 4 nữ. Số lao động chính có 3 còn lại là lao động phụ.

- Trình độ văn hoá :

Chồng học hết cấp 3, vợ học hết cấp 2, con có 4 người, 1 đang học cấp 3, 2 đang học cấp 2 và 1 đang học cấp 1.

- Tài sản gia đình gồm :

Nhà cấp 4 công trình phụ đầy đủ. Trong nhà có ti vi mầu, xe cúp 50, 2 xe xích hộp, 1 tủ li, 1 bộ bàn ghế xa lông nan, 1 tủ đứng 2 buồng và

nhiều đồ dùng phục vụ cho sản xuất, như máy bơm điện, bình phun thuốc trừ sâu và nhiều đồ dùng khác.

- Tổng thu nhập năm 1997 :

Mầu :	4.000.000 đồng
Cây ăn quả :	4.000.000 đồng
Cây công nghiệp :	11.000.000 đồng
Chăn nuôi :	2.900.000 đồng
Cá :	1.500.000 đồng
Ong :	4.000.000 đồng
Lương :	220.000 đồng
Cộng :	***27.620.000*** đồng

Gia đình ông Khanh có thu nhập cao nhất trong tổng số 25 hộ điều tra tại thôn Trung Sơn.

Tổng thu nhập của gia đình ông là : 27.620.000 đồng.

- QUI MÔ VÀ CƠ CẤU SỬ DỤNG ĐẤT ĐAI :

STT	Loại đất	Diện tích sử dụng (m^2)
1	Đất thổ cư	400
2	Đất mầu	6.000
3	Diện tích nhận chăm sóc bảo vệ	9.720
4	Vườn cây công nghiệp	6.000
5	Trồng cây ăn quả	4.000
6	Ao cá	360
	Tổng	***26.480***

THƯ VIỆN TRƯỜNG ĐẠI HỌC LÂM NGHIỆP

SƠ ĐỒ 1 : SƠ ĐỒ PHÁC HOẠ MẶT CẮT ĐỨNG VÀ MẶT CẮT NGANG

MÔ HÌNH HỘ GIA ĐÌNH ÔNG ĐOÀN ĐỨC KHANH

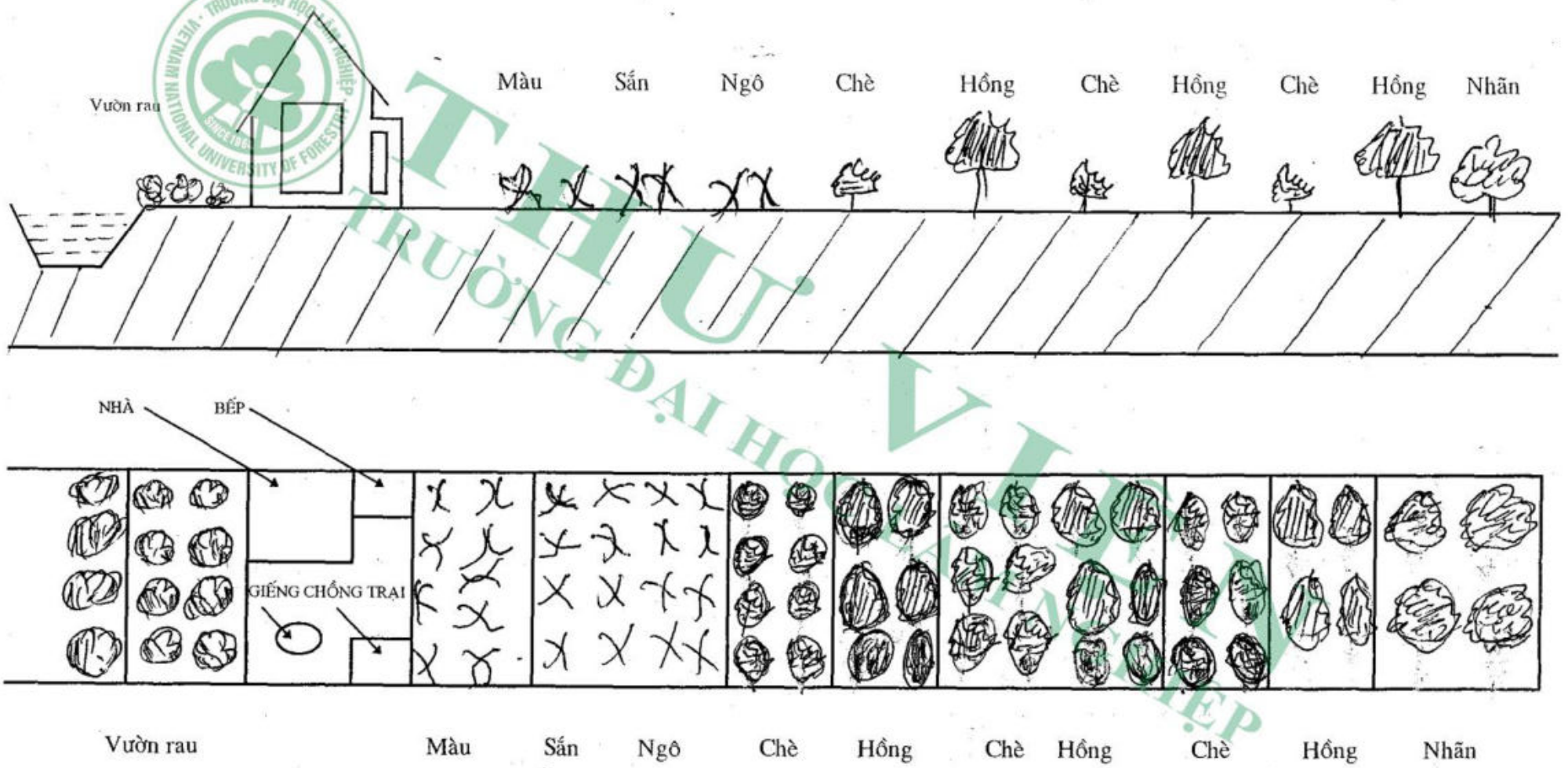

THƯ VIỆN TRƯỜNG ĐẠI HỌC LÂM NGHIỆP

Tổng diện tích đất đai hộ đang quản lý là : 26.480 m^2. Trong đó đất trồng mầu chiếm 6.000 m^2 sản phẩm thu được ở đây chưa phải là lớn mới đủ đáp ứng phục vụ nhu cầu của gia đình. Nhưng nó đóng góp 1 phần đáng kể vào thu nhập của gia đình trong năm.

Gia đình sử dụng đất vườn để trồng rau ăn phục vụ gia đình. Ngoài ra còn trồng rau lang, chanh, đu đủ, táo, vừa phục vụ chăn nuôi vừa tăng thêm thu nhập cho gia đình.

Ông Khanh là người rất ham mê nghề nông lâm, ông rất chịu khó học hỏi những người xung quanh và là người có kinh nghiệm trong nghề.

Sau khi bị thương dời quân ngũ trở về, không mặc cảm với bệnh tật, ỷ nại vào đồng lương hàng tháng Nhà nước trợ giúp. Ông tham gia cùng vợ con làm kinh tế gia đình. Vốn dĩ là người ham mê nghề nghiệp, hay học hỏi và tiếp cận thị trường do cuộc sống ngày một nâng lên nhu cầu tiêu thụ hoa quả cũng ngày càng cao, cho nên với diện tích cây công nghiệp, cây ăn quả là cố định. Gia đình áp dụng mô hình trồng cây công nghiệp (cây chè) kết hợp với cây ăn quả. Cây ăn quả có tác dụng che bóng, cây công nghiệp có tác dụng chống sói mòn. Từ phương thức sản xuất trên mà diện tích cây ăn quả được tăng lên. Do đó sản phẩm thu được nhiều ngoài những cây ăn quả như vải thiều, nhãn na, gia đình chú trọng phát triển cây hồng yên thôn, hồng tám. Những cây ăn quả này mang lại nguồn thu khá lớn cho gia đình.

Để tận dụng tiềm năng vốn có của gia đình, cũng như địa phương diện tích trồng cây ăn quả ngày một tăng, đây chính là nguồn thức ăn dồi dào cho đàn ong phát triển. Nhờ đó với 32 bầu ong gia đình thu được 4.000.000 đồng đây là nguồn thu góp phần tăng thêm thu nhập cho gia đình.

- Bên cạnh đó gia đình còn một ao thả cá với diện tích 360 m^2. Ngoài việc cung cấp thực phẩm phục vụ gia đình , nó còn là nguồn nước phục vụ cho sản xuất nhất là cây rau và cây ăn quả.

Gia đình nuôi 1 con lợn và 100 con gà, đây cũng là nguồn thu nhập của gia đình.

Vốn tiềm năng của gia đình là 21.000.000 đồng tính hết năm 1997, vốn đầu tư dài hạn vào sản xuất là 7.500.000 đồng đều là vốn tự có của gia đình.

- Chi phí sản xuất hộ ông Khanh năm 1997 hết 6.380.000 đồng, chi phí đời sống hết 11.200.000 đồng. Vậy tích luỹ năm 1997 của hộ là :

27.620.000 - 6.380.000 - 11.200.000 = 10.040.000 đồng

Sản phẩn của hộ được tiêu thụ tại nhà là chủ yếu hoặc ở chợ Ba Trại.

- Nhận xét chung về hộ :

Gia đình ông Khanh rất hiểu biết về nghề nông lâm. Hộ biết cách sử dụng đất đai hợp lý, áp dụng kỹ thuật mới vào sản xuất, mạnh dạn trong việc đầu tư vào cây ăn quả. Biết cách xắp sếp lao động phù hợp với khả năng của từng người và công việc. Mặt khác gia đình biết chi tiêu đúng mục đích, không phung phí. Đó là kinh nghiệm dẫn đến thành công của hộ.

4.2-/ Gia đình ông Bach Công Cường :

- Sơ lược về gia đình :

Gia đình ông Cường là dân địa phương gốc, dân tộc Mường.

- Tổng nhân khẩu là 5 trong đó 3 nam, 2 nữ. Có 2 lao động chính và 3 lao động phụ.

- Trình độ văn hoá : Ông Cường và vợ học hết cấp 2. 2 đứa con học cấp 1, còn 1 đang học cấp 2.

- Tài sản gia đình gồm có :

1 nhà cấp 4, đồ dùng trong nhà có 1 tủ li, 1 tủ đứng, 1 ti vi mầu, 1 bộ bàn ghế xa lông, 2 xe xích hộp, 1 xe máy cúp 50. Và nhiều đồ dùng phục vụ sản xuất. Máy bơm nước bằng điện, máy tuốt lúa, bình phun thuốc trừ sâu, xe bò kéo, cày bừa. Đặc biệt trong 25 hộ điều tra hộ này có tổng số trâu bò là nhiều nhất 5 con bò .

- Tổng thu nhập năm 1997 :

Gia đình ông Cường có thu nhập cao thứ 2 trong 25 hộ điều tra.

Tổng thu nhập của gia đình Ông Cường là 23.803.000 đồng, cơ cấu tổng thu nhập như sau :

Lúa :	900.000 đồng
Mầu :	103.000 đồng
Cây ăn quả :	1.000.000 đồng
Cây công nghiệp :	9.000.000 đồng

Chăn nuôi : 12.300.000 đồng

Cá : 500.000 đồng

QUI MÔ SỬ DỤNG ĐẤT ĐAI :

STT	Loại đất	Diện tích sử dụng (m^2)
1	Đất thổ cư	400
2	Ao cá	500
3	Ruộng nước	1.248
	+ 1 vụ	408
	+ 2 vụ	840
4	Vườn cây công nghiệp	9.000
5	Vườn cây ăn quả	1.000
6	Trồng mầu	700
7	Diện tích nhận chăm sóc bảo vệ	14.580
	Tổng	***27.428***

Tổng diện tích đất đai hộ đang quản lý là : 27.428 m^2.

Trong đó ruộng lúa nước là 1.248 m^2 đây là nguồn lương thực cung cấp cho gia đình.

- Diện tích đất trồng cây công nghiệp là : 9.000 m^{2-}

SƠ ĐỒ 02: SƠ ĐỒ PHÁC HOẠ MẶT CẮT ĐỨNG VÀ MẶT CẮT NGANG MÔ HÌNH HỘ GIA ĐÌNH ÔNG BẠCH CÔNG CƯỜNG

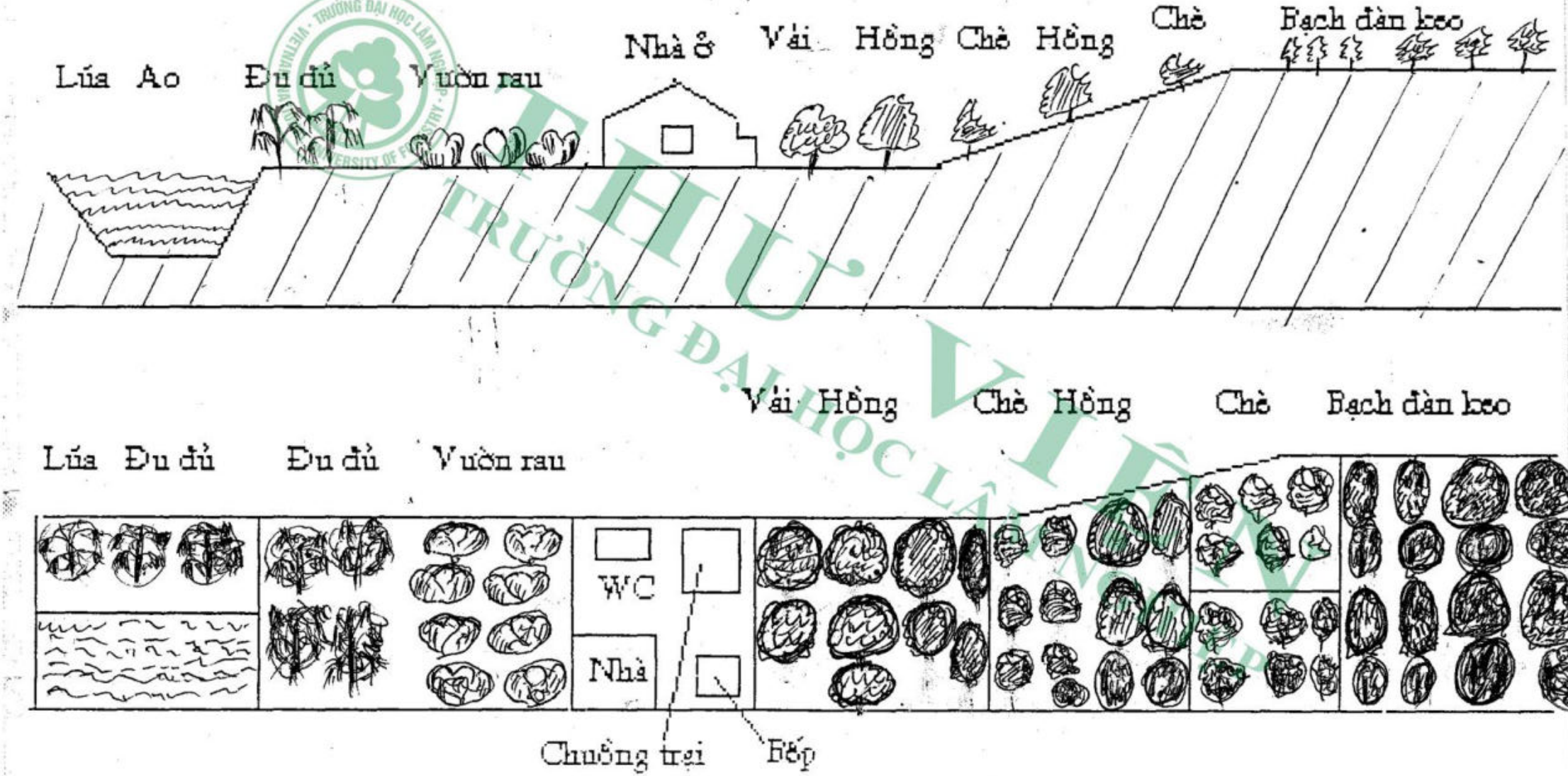

THƯ VIỆN TRƯỜNG ĐẠI HỌC LÂM NGHIỆP

Cũng trên diện tích này, năm trước gia đình chưa có kỹ thuật cũng như kinh nghiệm không dám đầu tư cho nên chỉ thu được 4.000.000 đồng. Sau khi đã tìm hiểu và quá trình tích luỹ kinh nghiệm. Gia đình đã tổ chức lại sản xuất, xắp xếp lại lao động một cách hợp lý và quyết định bán đi 2 con bò để lấy vốn đầu tư vào cây công nghiệp (cây chè) và cây ăn quả (nhẫn, vải thiều, hồng) nhờ đó mà năng suất năm nay tăng lên gấp đôi năm trước. Thu nhập gia đình không ngừng tăng lên.

- Diện tích trồng mầu chủ yếu là sắn, khoai để phục vụ cho chăn nuôi. Vườn rau nhà cũng tạm đủ cung cấp cho gia đình.

- Chăn nuôi : Gia đình nuôi 7 con bò đầu năm bán đi 2 con, vừa rồi đã bán được 700 kg lợn thu được 6.300.000 đồng, 300 con gà giống thu được 3.000.000 đồng, ao cá với diện tích 500 m^2 vừa cung cấp thực phẩm vừa cung cấp nước phục vụ sản xuất cho cây ăn quả và rau ăn.

- Vốn tiềm năng của gia đình là 10.000.000 đồng tính hết năm 1997.

Vốn đầu tư dài hạn vào sản xuất trong năm 1997 là 5.000.000 đồng. Trong đó vốn tự có của gia đình là 3.000.000 đồng, vay tín dụng là 2.000.000 đồng.

Ông Cường là người rất ham mê nghề trồng trọt, ông rất chịu khó học hỏi kinh nghiệm của người khác, nhờ đó mà ông tích luỹ được nhiều kinh nghiệm trong sản xuất.

Chi phí sản xuất của hộ ông Cường năm 1997 là 6.957.000 đồng, chi phí đời sống của hộ hết 6.500.000 đồng.

Vậy tích luỹ của hộ là :

23.803.000 - 6.957.000 - 6.500.000 = 10.346.000 đồng

Sản phẩm của hộ chủ yếu tiêu thụ ở chợ Ba Trại hoặc tại nhà.

- Nhận xét chung về hộ : với diện tích đất đai là 27.428 m^2 gia đình đã biết cách xắp xếp diện tích phù hợp với những cây trồng để đem lại hiệu quả kinh tế cao cho gia đình.

Gia đình khắc phục tình trạng thiếu vốn đầu tư bằng cách chăn nuôi với số lượng tương đối lớn, tiền lãi thu được từ chăn nuôi gia đình đầu tư vào các hoạt động sản xuất khác.

5-/ Đánh giá chung về phát triển kinh tế hộ gia đình thôn Trung Sơn, xã Ba Trai :

Qua tìm hiểu, khảo sát thực trạng kinh tế hộ gia đình tại địa phương chúng tôi rút ra một số nhận xét sau :

Thôn Trung Sơn thuộc xã Ba Trại, Ba Vì, Hà tây. Trước đây kinh tế nghèo nàn, đời sống của nhân dân hết sức khó khăn, vất vả sản xuất không đủ ăn, rừng lại bị tàn phá nặng nề, môi trường sinh thái bị huỷ hoại nghiêm trọng. Nhưng từ khi có chính sách của Đảng và Nhà nước về phát triển kinh tế nông thôn đặc biệt là nông thôn miền núi, được sự giúp đỡ của Nhà nước thôn Trung Sơn đã vượt qua giai đoạn khó khăn về kinh tế và đang trên đà phát triển, cuộc sống của người dân ở đây không những đã đủ ăn mà còn có tích lũy.

Trước đây kinh tế hộ gia đình sản xuất theo hướng tự cung, tự cấp, nay đã chuyển dần sang hướng sản xuất hàng hoá. Người dân đã thực sự gắn bó đời sống của mình với đất đai và họ đã làm chủ trên diện tích đất được Nhà nước giao.

Họ biết kết hợp trồng trọt với chăn nuôi tạo ra mô hình mới về phát triển nông lâm kết hợp tận dụng tiềm năng đất đai, tạo ra nhiều sản phẩm, tăng thêm thu nhập tăng thêm đời sống gia đình. Tuy nhiên quá trình phát triển kinh tế hộ gia đình còn gặp nhiều khó khăn như sau :

- Diện tích sử dụng đất đai còn ít, phân tán theo như điều tra 25 hộ gia đình trong thôn thì diện tích sử dụng bình quân 1 hộ là 0,835 ha, bình quân 1 lao động là 0,321 ha. Trong đó diện tích gia đình nhận khoanh nuôi bảo vệ là 0,1 ha/hộ (2,5 ha : 25 = 0,1 ha).

Với diện tích như vậy các hộ rất hạn chế trong việc phát triển sản xuất.

- Một điểm chung của các hộ là đều thiếu vốn đầu tư, trong khi đó vốn vay của Nhà nước lại rất hạn chế, thủ tục rườm rà và cũng ít gia đình có điều kiện vay được. Mặt khác một số hộ muốn thay đổi cơ cấu cây trồng cho phù hợp với nhu cầu xã hội và đất đai thì chưa có điều kiện. Kết quả là chưa khai thác được hết tiềm năng sẵn có, phong trào phát triển RVAC chưa mạnh, chưa đồng đều.

- Các khâu dịch vụ còn thiếu hoặc chưa có như khâu dịch vụ giống, phân bón, thuốc trừ sâu còn chậm, không kịp thời, chưa đáp ứng được yêu

cầu của gia đình. Đặc biệt là khâu giống và chuyển giao kỹ thuật rất khó khăn nên năng suất cây trồng chưa cao.

- Về nhân khẩu, lao động : do công việc nghề nông làm việc theo mùa vụ, nên khi hết mùa vụ thì lực lượng lao động thừa khá lớn. Vì vậy đặt ra cần phải tạo công ăn việc làm, giảm bớt thời gian nhàn rỗi, tăng thêm thu nhập cho hộ gia đình.

- Trình độ dân trí còn thấp nên việc áp dụng khoa học kỹ thuật vào sản xuất rất hạn chế nhiều hộ sản xuất theo kinh nghiệm truyền thống cổ truyền.

Xuất phát từ những khó khăn trên mà địa phương chưa phát huy được hết tiềm năng lợi thế sẵn có. Chính vì vậy mà nguồn thu nhập của các hộ từ cây ăn quả như nhãn, vải thiều, na, hồng, là những cây có ưu thế chưa chiếm tỷ trọng cao trong tổng thu nhập của các hộ hàng năm.

IV./ ĐỀ XUẤT MỘT SỐ Ý KIẾN NHẰM KHUYẾN KHÍCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ HỘ GIA ĐÌNH Ở THÔN TRUNG SƠN, XÃ BA TRẠI, HUYỆN BA VÌ, TỈNH HÀ TÂY :

Trên cơ sở phân tích thực trạng kinh tế hộ, tiềm năng về đất đai, cây trồng vật nuôi của địa phương, những khó khăn trở lực trong quá trình phát triển kinh tế hộ. Các biện pháp đề xuất chủ yếu tập trung vào việc tạo điều kiện thuận lợi để phát triển kinh tế hộ gia đình, tuy nhiên để thực hiện mục tiêu này cần phải thực hiện đồng bộ nhiều vấn đề.

Dưới đây chỉ đề xuất một số giải pháp chủ yếu.

1) Tổ chức lại sản xuất .

Trong phạm vi kinh tế hộ tổ chức lại sản xuất chủ yếu tập trung vào việc sắp xếp lịch canh tác cho cây trồng phù hợp với đặc điểm thời tiết khí hậu của địa phương để hạn chế tối đa thiệt hại do thiên tai gây ra.

Bố trí lại lao động vào các công việc cụ thể tuỳ theo năng lực và kế hoạch sản xuất nông nghiệp, làm kinh tế vườn cho đúng thời hạn, tận dụng tối đa sức sản xuất của đất, thực hiện phương châm " lấy ngắn nuôi dài " phát triển cây công nghiệp ngắn ngày (nông lâm kết hợp) làm cơ sở để phát triển cây ăn quả.

2) Chuyển dịch cơ cấu sản xuất theo chiều hướng tập trung trồng cây công nghiệp cây ăn quả và chăm nuôi đại gia súc gia cầm.

Sau khi đã tìm hiểu thực trạng kinh tế hộ gia đình ở thôn Trung Sơn chúng tôi nhận thấy :

Về cơ cấu cây trồng : các cây có hiệu quả cao phù hợp với điều kiện đất đai của địa phương thì diện tích lại ít trong khi đó vườn của các hộ gia đình chủ yếu là vườn tạp. Phục vụ đời sống hàng ngày là chính chưa hướng vào đầu tư phát triển những cây con đem lại hiệu quả kinh tế cao, tuy nhiên đã có một số hộ gia đình chú trọng vào trồng cây ăn quả, cây công nghiệp chăn nuôi gia súc gia cầm và nuôi ong. Kết quả đem lại thu nhập cao.

Vì vậy mục tiêu của giải pháp này là :

- Tạo 1 vòng sản xuất hàng hoá lớn về loại cây ăn quả đặc sản có giá trị trên thị trường tạo ra một sản lượng lớn về sản phẩm chăn nuôi cung cấp cho thị trường.

- Sản xuất hàng hoá phát triển tạo điều kiện phát triển cây công nghiệp chế biến nhỏ. Nông sản thực phẩm, cây ăn quả, sản phẩm chăn nuôi, nâng cao chất lượng, làm tăng giá trị sản phẩm làm ra. Chính nhờ đó việc tiêu thụ sản phẩm sẽ được dễ dàng hơn.

- Sản xuất hàng hoá phát triển tạo điều kiện cho việc phát triển cơ sở hạ tầng tốt đời sống của hộ gia đình được nâng lên cùng với thu nhập và thoát khỏi nghèo đói phấn đấu làm giàu.

Trên cơ sở mục tiêu trên hướng hoàn thiện cơ cấu sản xuất như sau:

- Cần phải tăng diện tích cây ăn quả giảm diện tích trồng mầu xuống, giảm việc trồng các loại cây mầu có hiệu quả thấp như sắn khoai, ngô, trồng các loại cây ăn quả như nhãn, vải, na, hồng có giá trị cao.

- Phải tiến hành chuyển dịch lại cơ cấu cây trồng trên nguyên tắc " đất nào cây ấy " đặc biệt quan tâm đến việc lựa chọn giống cây trồng cụ thể : với cây nông nghiệp tăng sản lượng lương thực bằng cách lựa chọn giống lúa thích hợp cho năng suất cao và khả năng chịu hạn CR203, tạp giao giống lai Trung quốc chịu sâu bệnh hại. Tăng đầu tư cho lúa như phân hữu cơ, thuốc trừ sâu và công chăm sóc.

- Cơ cấu cây trồng ở vườn nhà :

Đầu tư cải tạo phát triển vườn nhà, loại bỏ những cây ăn quả có giá trị thấp như mít, ổi chuối bằng các cây có giá trị cao trên thị trường phù hợp với điều kiện thực tế ở địa phương như nhãn, hồng, na nhằm đảm bảo đưa kinh tế vườn nhà trở thành mũi nhọn để phát triển kinh tế hộ gia đình.

- Cần coi trọng phát triển cây công nghiệp dài ngày như chè tiếp tục thâm canh trên diện tích chè hiện có, đồng thời mở thêm diện tích tạo ra nguồn thu nhập liên tục giữa các tháng trong năm.

- Đẩy mạnh chăn nuôi đại gia súc, trâu bò ngoài việc cung cấp thịt và tận dụng sức kéo trong sản xuất nông lâm nghiệp mà còn cung cấp phân bón cho ngành trồng trọt.

- Đẩy mạnh chăn nuôi gia cầm trong mỗi hộ gia đình chú ý phát triển nuôi ong, khi diện tích cây ăn quả tăng lên thì điều kiện để nuôi ong là rất tốt.

3-/ Sắp xếp và đổi mới cơ chế hoạt động của hệ thống dịch vụ nông lâm nghiệp :

- Về hệ thống ngân hàng :

Hiện nay việc vay vốn để sản xuất của các hộ trong thôn Trung Sơn còn gặp nhiều khó khăn, phần lớn các hộ đều thiếu vốn đầu tư sản xuất, có nhiều hộ rất muốn đầu tư cải tạo lại mô hình cũ, nhưng điều kiện khó khăn họ đành bó tay. Do vậy xã cần có biện pháp để người dân được vay vốn, vì xã là người lãnh đạo trực tiếp nắm các điều kiện cụ thể của từng hộ, khả năng vay và trả vốn nhằm giảm bớt các thủ tục rườm rà khi các hộ vay vốn.

- Về hệ thống thương nghiệp, buôn bán cung ứng vật tư : Hệ thống này của xã còn thiếu và yếu diện tích của xã lớn dân số không đông mà không có chợ, muốn ra chợ phải đi 6 km do vậy việc đi chợ của các hộ gia đình ở xã là rất khó khăn và mất thời gian.

- Hệ thống cung ứng vật tư đều do tư thương đứng ra thực hiện, khi mùa vụ đến không đáp ứng được nhu cầu của sản xuất mà còn bị tư thương ép giá. Do vậy xã nên tổ chức hệ thống này bằng cách mở các điểm dịch vụ trong xã vừa làm nhiệm vụ thu mua hàng nông lâm sản, vừa cung cấp các nhu cầu hàng hoá vật tư cho các hộ.

- Về bảo hiểm cây trồng vật nuôi ở xã cần duy trì đội thực vật làm nhiệm vụ tổ chức tiêm phòng cho các loại gia súc, phát hiện sớm các dịch bệnh hạn chế được các thiệt hại cho các hộ gia đình.

- Về công nghiệp nhỏ nông thôn: Để nâng cao giá trị sản phẩm hàng hoá làm ra, tạo thêm công ăn việc làm và nâng cao thu nhập cho người dân trong xã, có thể xây dựng 1 điểm sơ chế nông lâm sản tại địa phương có qui mô thích hợp. Tổ chức sản xuất vật liệu xây dựng để phục vụ nhân dân.

- Công tác phổ cập : Xã đã mở các lớp tập huấn về kỹ thuật gieo trồng do cán bộ huyện phụ trách nhưng chưa đáp ứng được nhu cầu sản xuất.

Do vậy xã cần phát triển thêm hệ thống truyền thanh về tận các làng bản và tổ chức các cuộc hội thảo về kinh nghiệm làm vườn ở thôn cũng như ở xã, tuyên truyền phổ biến những ứng dụng các tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất.

4-/ Củng cố và phát triển cơ sở hạ tầng.

Hiện nay đường giao thông liên thôn là những con đường mòn, đường đất, về mùa mưa thường lầy lội cho nên việc đi lại vận chuyển hàng hoá là rất khó khăn. Xã cần tập trung nâng cấp đường vào thôn Trung Sơn dài 120 m, chiều rộng 6 m, về hệ thống kênh mương tưới tiêu mặc dù có đào đắp tới từng ruộng của từng hộ gia đình nhưng tình trạng thiếu nước vẫn còn cho nên cần hoàn thiện và mở rộng hệ thống tưới tiêu.

5-/ Công tác kế hoạch hoá gia đình vào điều chỉnh mật độ dân số :

Để tạo điều kiện cho việc giảm tỷ lệ tăng dân số địa phương, xã cần vận động nhân dân thực hiện tốt việc sinh đẻ có kế hoạch nhằm đảo bảo thực hiện tốt chỉ tiêu phát triển dân số. " Mỗi gia đình chỉ có 1 đến 2 con " địa phương phải phổ biến kiến thức kế hoạch hoá gia đình dành riêng cho giới nữ. Cùng với kiến thức về nuôi dậy con cái trong gia đình và phương pháp giao tiếp ngoài xã hội.

6-/ Vai trò quản lý Nhà nước của làng xã đối với hộ gia đình :

Đây là một vấn đề rất quan trọng trong chiến lược phát triển kinh tế hộ gia đình, phải xây dựng mối quan hệ giữa chính quyền địa phương với các hộ gia đình, phối hợp chặt chẽ giữa uỷ ban với hộ gia đình trong việc quản lý bảo vệ rừng.

Giải quyết mọi vi phạm quản lý và khai thác bừa bãi để làm nương rẫy. Chính quyền địa phương phải giải quyết kịp thời nghiêm ngặt những trường hợp vi phạm pháp luật. Các hộ gia đình cũng phải phối hợp với uỷ ban xác định rõ ràng gianh giới giữa các hộ để tránh tình trạng tranh chấp lẫn nhau.

7-/ Đề xuất một số chính sách ở tầm vĩ mô :

- Nhà nước cần có chính sách đầu tư hỗ trợ đối với việc phát triển kinh tế hộ gia đình như : vay vốn với lãi xuất ưu đãi, kịp thời để các hộ gia đình tiến hành tổ chức và phát triển sản xuất.

- Đối với chính sách ưu tiên phát triển kinh tế vườn cần có chính sách hỗ trợ ban đầu, nhất là với các mặt hàng có giá trị kinh tế xuất khẩu cao đối với cây ăn quả như : vải thiều, nhãn, na, hồng.

Đối với cây công nghiệp dài ngày như chè nếu không có bảo trợ thì người làm vườn không ổn định được sản xuất và đầu tư được.

- Về kỹ thuật chọn cây trồng và vật nuôi thích hợp năng suất cao ở từng vùng. Đồng thời nghiên cứu sự kết hợp giữa các loại cây trồng và vật nuôi tạo ra sự bền vững sinh học nhất. Đặc biệt là chú trọng về bảo vệ đất, duy trì cân bằng sinh thái, xây dựng được các ngành nghề phù hợp cho từng vùng, từng địa phương.

- Về xây dựng cơ sở hạ tầng : Nhà nước cần đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng (giao thông vận tải, thông tin, hệ thống thuỷ lợi). Mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm thúc đẩy sự giao lưu hàng hoá cung cấp vật tư, nguyên liệu sản xuất được đầy đủ kịp thời. Đồng thời cần mở rộng kịp thời hợp tác đầu tư với nước ngoài cả về vốn và công nghệ mới trên cơ sở đó mới kích thích được sản xuất phát triển.

- Chính sách kinh tế xã hội cần triển khai việc thi hành luật đất đai các văn bản hướng dẫn về việc giao đất giấy chứng nhận quyền sử dụng đất một các đồng bộ có kết quả để người lao động thực sự yên tâm đầu tư vào sản xuất nông lâm nghiệp trên mảnh đất mà họ làm chủ. Thời hạn giao đất phải dài (có thể trên 50 năm) mới khuyến khích được người dân trồng các loại cây có chu kỳ sản xuất dài.

Do sản xuất nông lâm nghiệp có chu kỳ rất dài phụ thuộc vào thiên nhiên. Chịu nhiều rủi ro như khi thiên tai mất mùa thì giá cả biến động. Vì

vậy nhà nước cần có chính sách trợ giúp họ bằng các chính sách thuế trợ giá hoặc mở mang các ngành nghề để giúp đỡ họ ổn định sản xuất lâu dài.

THƯ VIỆN
TRƯỜNG ĐẠI HỌC LÂM NGHIỆP

KẾT LUẬN

Trong nhiều thập kỷ qua kinh tế hộ gia đình đã được phát triển và ngày càng hoàn thiện cả về nội dung và hình thức, cùng với phương pháp hoạt động đã trở thành đội quân chủ lực trên mặt trận sản xuất nông lâm nghiệp của các nước trên thế giới cũng như ở Việt Nam.

Ở Việt Nam phát triển kinh tế hộ gia đình, còn là một vấn đề mới mẻ nhưng nó đã góp phần khởi sắc thêm nền kinh tế Việt Nam. Kết quả đó đã được khẳng định cả trong thực tế cũng như trong lý luận. Đồng thời khẳng định thêm khuyến khích phát triển kinh tế hộ gia đình là đúng đắn, là hợp lý với quy luật phát triển của xã hội.

Hộ gia đình là đơn vị sản xuất có điều kiện phát huy tính tự chủ, sáng tạo khai thác triệt để tiềm năng đất đai và lao động, áp dụng nhanh những phương thức canh tác mới vào sản xuất, tạo nguồn thu nhập ngày càng tăng lên, góp phần nâng cao đời sống trong gia đình cung cấp nhiều sản phẩm cho xã hội. Trong thời gian thực tập tại địa phương chúng tôi đã rút ra được một số bài học kinh nghiệm sản xuất của các hộ gia đình, làm rõ những tồn tại cúng như tiềm năng lợi thế của địa phương. Trên cơ sở đó chúng tôi đã đưa ra một số ý kiến nhằm khuyến khích phát triển kinh tế hộ gia đình, sản xuất kinh doanh những loại cây, vật nuôi có hiệu quả kinh tế cao phù hợp với địa phương.

Nhân dịp này chúng tôi bầy tỏ lòng cảm ơn chân thành đến thầy giáo Phạm Xuân Phương cùng các thầy cô và UBND xã Ba Trại các hộ gia đình trong thôn Trung Sơn. Do trình độ có hạn kinh nghiệm thực tế không nhiều nên bản khoá luận không trách khỏi nhiều thiếu sót.

Tôi rất mong được sự giúp đỡ đóng góp ý kiến chân thành của các thầy cô và của các bạn.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1-/ Một số văn bản về lâm nghiệp (tập 1)

2-/ Tập chí người làm vườn (1990 - 1996)

3-/ Tạp san lâm nghiệp (1990 - 1996)

4-/ Tập chí kế hoạch hoá.

5-/ Luận văn khoá luận tốt nghiệp

6-/ Giáo trình kinh tế lâm nghiệp - Trường đại hộc Lâm nghiệp.

7-/ Tài liệu phòng nông lâm xã Ba Trại.

8-/ Kinh tế hộ nông dân- Đại học nông nghiệp I - 1996.

9-/ Nông lâm kết hợp - Trường ĐH Lâm Nghiệp.

10-/ Nghị quyết 10 của Bộ Chính trị, nghị quyết 327 của Bộ Chính trị, Nghị quyết 7, Nghị quyết 5 của Đại hội Đảng lần thứ VII và một số chính sách khác của Đảng.